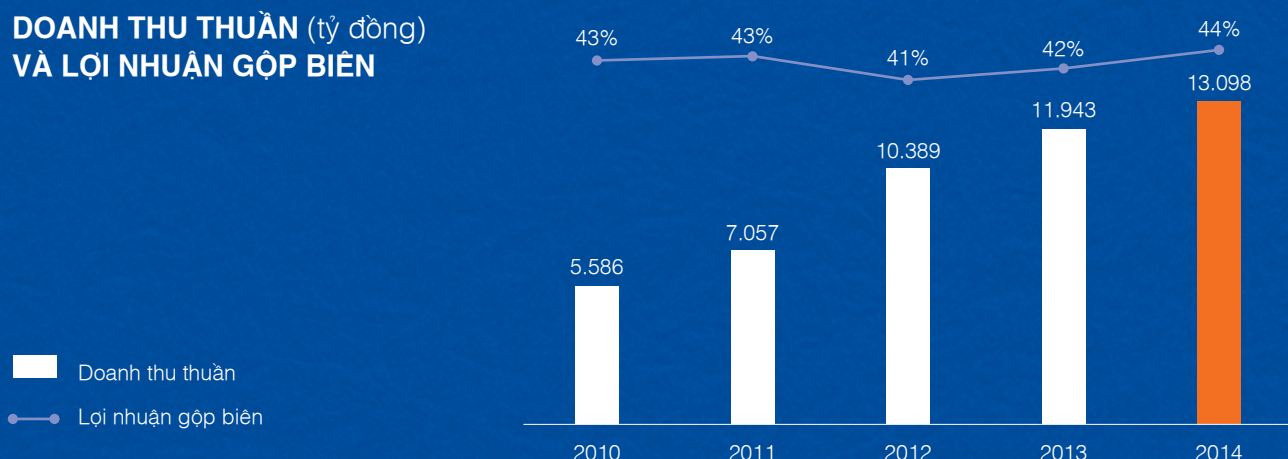




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢNG THÀNH TÍCH 2014

DOANH THU THUẦN (tỷ đồng) VÀ LỢI NHUẬN GỘP BIÊN



3.425 tỷ đồng

LỢI NHUẬN RÒNG NĂM 2014

7.313 tỷ đồng

SỐ DƯ TIỀN MẶT TẠI NGÀY 31/12/2014¹

#1

THỊ PHẦN NƯỚC MẮM,
NƯỚC TƯƠNG, TƯƠNG ỚT
VÀ CÀ PHÊ HÒA TAN²

#2

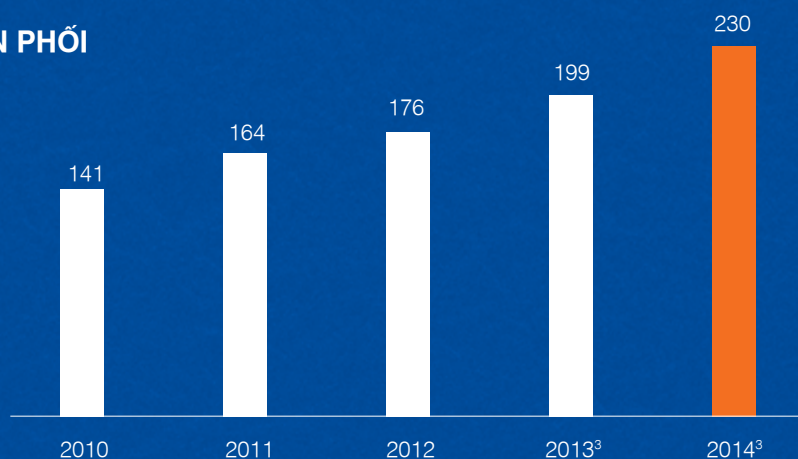
THỊ PHẦN
THỰC PHẨM TIỆN LỢI²

98%

HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM
SỬ DỤNG ÍT NHẤT 1
SẢN PHẨM CỦA MASAN²

TĂNG TRƯỞNG MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI

SỐ ĐIỂM BÁN HÀNG (đơn vị: ngàn)



¹ Bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn

² Nielsen, Kantar Worldpanel

³ Bao gồm các điểm bán hàng mở rộng từ chương trình "mở rộng đến nông thôn".

MỤC LỤC

04

Thư ngỏ của Tổng Giám đốc

06

Câu chuyện của
Masan Consumer

18

Báo cáo của Ban Điều hành

26

Báo cáo tài chính

116

Thông tin doanh nghiệp



THƯ NGỎ CỦA **TỔNG GIÁM ĐỐC**

“Hằng ngày, chúng ta
nâng cao đời sống
vật chất và tinh thần
của **người Việt Nam.**”



TẠI MASAN CONSUMER, CHÚNG TÔI ĐẶT NIỀM TIN VÀO VIỆC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM. CHÚNG TÔI HIỆN HỮU ĐỂ CUNG CẤP THỰC PHẨM, NUÔI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM ĐỂ HỌ NGÀY MỘT HẠNH PHÚC HƠN. CHÍNH NIỀM TIN ĐÓ ĐÃ DẪN LỐI CHO THÀNH CÔNG.

Kính gửi quý Cổ đông,

2014 đánh dấu năm đầu tiên mà tôi có mặt tại Masan Consumer và là năm tôi quay lại một đất nước nơi tôi đã có những năm tháng khởi nghiệp. Việt Nam vô cùng đặc biệt đối với tôi và nay tôi càng tự hào, vinh dự là một phần của tổ chức đã chia sẻ những giá trị rất tương đồng là phục vụ người tiêu dùng với những sản phẩm đóng góp tích cực vào cuộc sống của họ.

Trong một năm qua, với vai trò là Tổng Giám đốc, tôi đã hiểu sâu hơn về Masan, từ đó khơi dậy trong tôi tư duy sâu sắc về giai đoạn chuyển đổi tiếp theo của chúng tôi. Nhiều người xem Masan Consumer là công ty sở hữu nhiều thương hiệu thực phẩm và đồ uống hàng đầu. Số khác lại nhìn nhận chúng tôi qua lăng kính tài chính, chú ý vào doanh số, thị phần và lợi nhuận. Những thước đo ấy quả thật quan trọng, tuy nhiên đó chỉ là kết quả, là cách thức để chúng tôi đánh giá quá trình hiện thực hóa niềm tin của chính mình.

Tại Masan Consumer, chúng ta đặt niềm tin vào việc cải thiện đời sống của người dân Việt Nam. Chúng ta hiện hữu để cung cấp thực phẩm, nuôi dưỡng và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân Việt Nam để họ ngày một hạnh phúc hơn. Chính niềm tin đó đã dẫn lối cho thành công.

Đây là một vài dẫn chứng hùng hồn về đam mê và cam kết của Masan:

- Không có gì đậm chất Việt Nam hơn nước mắm. Sản phẩm này có mặt trong mỗi bữa ăn hàng ngày của hơn 90 triệu người dân Việt Nam trong và ngoài nước.
- Kokomi, Sagami và Omachi không chỉ là các lựa chọn cho mì ăn liền. Chúng tôi cung cấp các bữa ăn tiện lợi. Những nhãn hàng này có mặt ở mọi nơi trên lãnh thổ Việt Nam, mang lại nguồn dinh dưỡng vừa túi tiền cho trẻ em và người lớn.
- Vinacafe, được thành lập vào năm 1968, liên tục phục vụ người Việt với hương vị Việt đích thực, đúng chất qua năm tháng. Đó không chỉ là cà phê. Đó là Vinacafe.

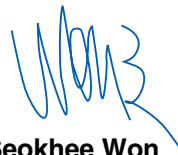
Masan tự hào là doanh nghiệp Việt. Chúng ta cam kết nỗ lực hết mình vì người dân Việt Nam và sẽ thực hiện thật tốt sứ mệnh với mong muốn trở thành niềm tự hào của Việt Nam. Điều này có nghĩa chúng ta phải có ý thức trách nhiệm cao, trách nhiệm cung cấp những mặt hàng thực phẩm và đồ uống đảm bảo an toàn, dinh dưỡng và giá cả hợp lý đến mọi nơi và mọi gia đình Việt.

Cho đến nay, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu, và 2014 là năm mà nhiều kế hoạch, nhiều ý tưởng và các mảng ghép đã hội tụ. Thông tin chi tiết đều được trình bày trong các phần tiếp theo của bản Báo cáo thường niên này. Kết quả đạt được là những nhãn hàng của chúng ta ngày nay đã đến được với mọi gia đình và hàng ngày được yêu mến bởi hàng triệu người tiêu dùng Việt Nam.

Mặc dù vậy, vẫn còn nhiều việc cần làm phía trước. Chúng ta phải làm tốt hơn thế. Sản phẩm của Masan Consumer cần phải tốt hơn nữa. Chúng ta sẽ đưa sản phẩm của mình đến mọi miền đất nước một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Với chí hướng này, tôi tin rằng chúng ta đang đi đúng đường - với dự án xây dựng nhà máy sản xuất có công nghệ tối tân ở Nghệ An và sắp tới sẽ khởi công Trung tâm sản xuất mới ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Quan trọng hơn hết, chúng ta cần có đúng người, những lãnh đạo ở thế hệ kế tiếp, những người chia sẻ các niềm tin đã giúp chúng tôi đạt được cách thành công hôm nay. Điều đó chỉ thực sự xảy ra khi Công ty chúng ta thực hiện cam kết nâng cao đời sống người tiêu dùng Việt Nam. Tại Masan, đó không chỉ là công việc, đó là lẽ sống. Và chúng tôi gọi đó là phong cách Masan.

Thân ái,

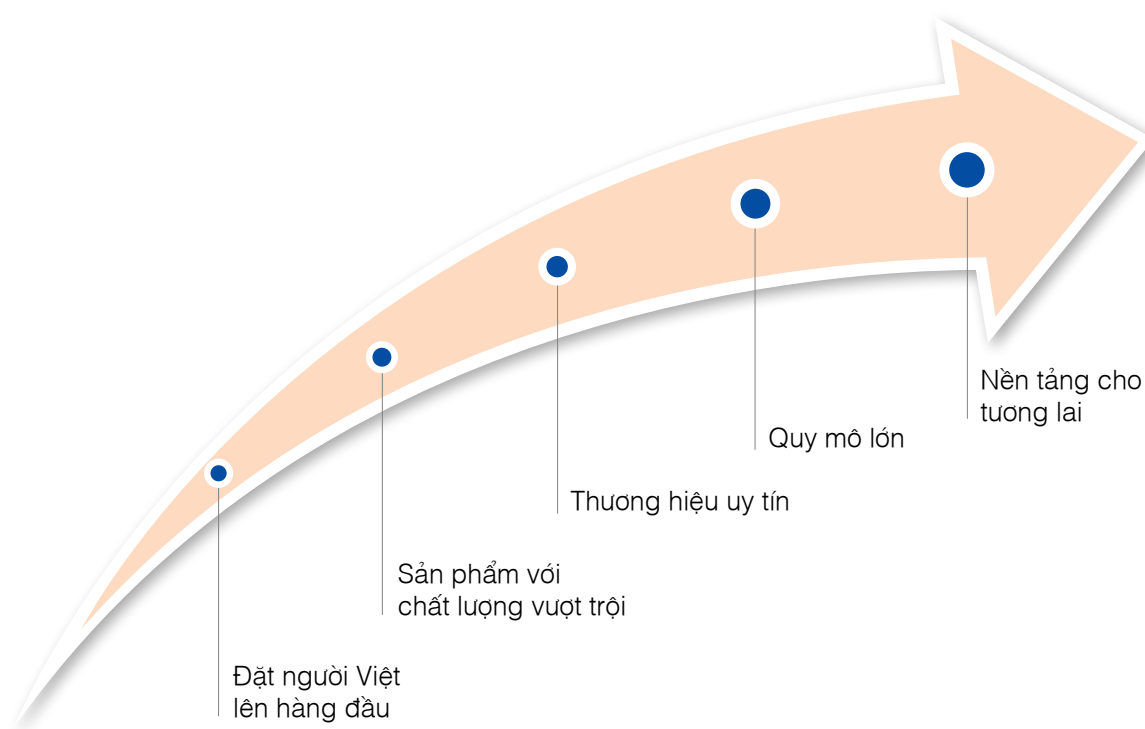


Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2015

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER

TẠI MASAN CONSUMER, TRIẾT LÝ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI LÀ “**HÀNG NGÀY, CHÚNG TA NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM**”. CHÚNG TÔI TIN RẰNG NẾU TUÂN THỦ ĐÚNG TRIẾT LÝ ĐÓ, NGƯỜI TIÊU DÙNG SẼ TIN DÙNG SẢN PHẨM VÀ THƯƠNG HIỆU CỦA CHÚNG TÔI ĐỂ CUỘC SỐNG CỦA HỌ NGÀY MỘT PHONG PHÚ, TỐT ĐẸP HƠN. NIỀM TIN VÀO TIỀM NĂNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM, VÀO NHU CẦU KHÔNG NGỪNG TĂNG LÊN CỦA THỊ TRƯỜNG VÀ XU HƯỚNG TIÊU DÙNG CỦA NGƯỜI VIỆT ĐÃ XUYỀN SUỐT TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU TIÊN CHO ĐẾN NAY.

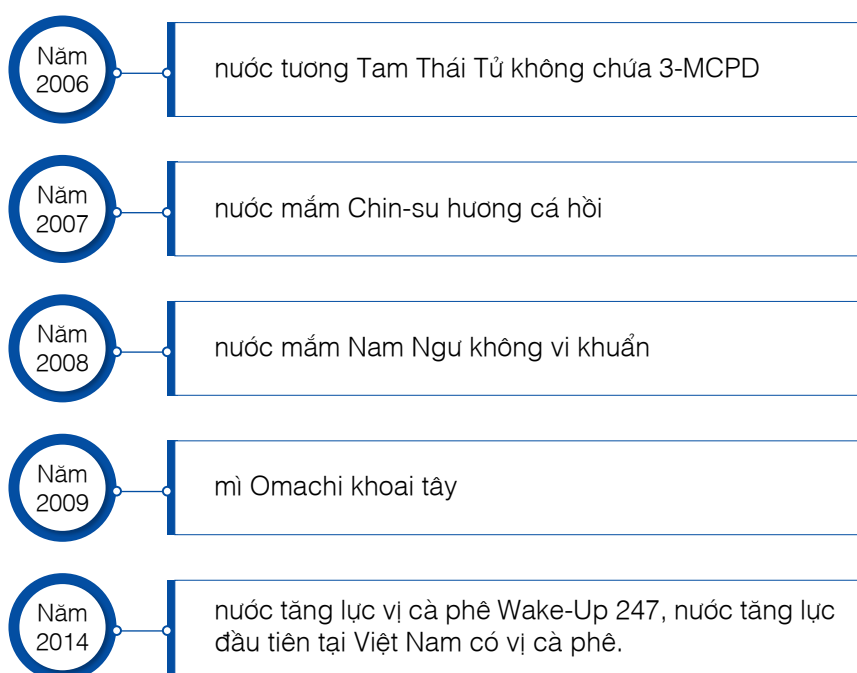


Thành lập vào giữa những năm 90, Masan Consumer đã nhanh chóng xác định vị thế là nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm hàng tiêu dùng chất lượng cao cho thị trường nội địa, mà một trong những cột mốc quan trọng của Masan Consumer là việc thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Ma San (“MST”) vào ngày 01/08/2003, với tổng vốn điều lệ 28,5 tỷ đồng. Việc này đánh dấu bước tiến mạnh mẽ đầu tiên của Masan vào thị trường nội địa qua việc mở rộng năng lực sản xuất và cung cấp hàng hóa cho thị trường trong nước.

NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG

Hiện nay, Masan Consumer là một trong những công ty hàng tiêu dùng lớn nhất Việt Nam. Chúng tôi sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, mì ăn liền, cháo ăn liền, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng và đồ uống đóng chai.

Liên tục kể từ khi thành lập, Masan luôn không ngừng nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển những sản phẩm có chất lượng tiên phong trong các ngành hàng nhằm cung cấp cho những nhu cầu tiêu dùng lớn chưa được thỏa mãn của thị trường. Một số sản phẩm tiêu biểu của chúng tôi dẫn dắt về mặt chất lượng có thể kể đến:



Ngoài ra, chúng tôi không ngừng mở rộng danh mục các sản phẩm an toàn cho sức khỏe, phù hợp với khẩu vị người Việt, có chất lượng bảo đảm và giá cả phù hợp.



Danh mục các nhãn hiệu vô địch

Bằng chất lượng và độ bao phủ sâu rộng của mình, các thương hiệu của chúng tôi đã trở thành các thương hiệu mạnh, được người tiêu dùng Việt Nam nhận biết rộng rãi và tin dùng. Những thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer bao gồm Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Sagami, Komi, Vinacafé, Wake-Up, Phinn, Kachi, Vĩnh Hảo. Trong đó có nhiều nhãn hiệu có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, liên tục được xếp hạng là các nhãn hiệu được người tiêu dùng sử dụng thường xuyên nhất. Trong những năm gần đây, Kokomi và Wake-Up là các nhãn hiệu mới được giới thiệu thành công và có tốc độ phát triển nhanh nhất trên thị trường (Nguồn: Kantar World Panel).

NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG (TIẾP THEO)

Hệ thống phân phối lớn nhất

Hiện nay, Masan Consumer sở hữu một mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống rộng lớn nhất Việt Nam. Hệ thống này tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể khi cho phép chúng tôi đưa các sản phẩm và dịch vụ của mình đến khách hàng trên phạm vi cả nước với tốc độ nhanh chóng. Theo Kantar Worldpanel, 97,8% hộ gia đình ở Việt Nam sử dụng ít nhất một sản phẩm của Masan trong năm 2014. Thành tích này đã khẳng định hệ thống phân phối vững mạnh của chúng tôi ở khu vực nông thôn và đã giúp chúng tôi trở thành công ty có độ bao phủ cao nhất trên thị trường. Với sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực đồ uống, chúng tôi cũng là 1 trong số ít những công ty trong ngành hàng tiêu dùng Việt Nam có hệ thống phân phối mạnh kể cả kênh hàng quán, kênh phân phối truyền thống và kênh siêu thị với hơn 2.000 nhân viên bán hàng.

Cùng với việc mở rộng mạng lưới phân phối, trong năm 2014, Masan Consumer đầu tư mạnh vào Hệ thống quản trị nhà phân phối ("DMS") cho các nhà phân phối, tiệm bán lẻ và nhân viên bán hàng. Hệ thống quản trị này đảm bảo thông tin quản trị chuẩn hóa, thông suốt trong toàn hệ thống trên 230.000 điểm bán hàng.

Cơ sở sản xuất hàng đầu

Chúng tôi hiểu rằng chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ là nền tảng để xây dựng thương hiệu. Masan Consumer đã đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất tiên tiến, đi đầu trong ngành hàng của mình.

Ngoài việc đầu tư chiều sâu, Masan còn chú trọng xây dựng các cơ sở sản xuất tại các khu vực có tính đại diện vùng miền, các cơ sở sản xuất này cho phép chúng tôi tiếp cận nhanh chóng với khách hàng của mình với chi phí vận chuyển ít hơn. Và hiện tại, Masan đã có khả năng cung cấp sản phẩm với chất lượng ổn định, giá thành hợp lý, cung ứng nhanh chóng và phù hợp khẩu vị đến người tiêu dùng. Trong năm 2014, Masan đã khởi động Dự án Xây dựng Trung tâm Công nghiệp Thực phẩm Miền Bắc tại tỉnh Nghệ An dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ Q3/2015. Theo sau đó, một Trung tâm Công nghiệp Thực phẩm sẽ được khởi công xây dựng tại Đồng bằng sông Cửu Long.



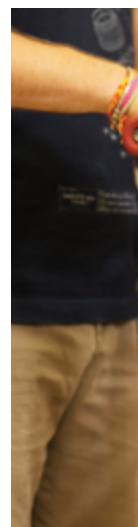
Nhà máy nước mắm tự động hoàn toàn đầu tiên trên thế giới

Đội ngũ nhân viên xuất sắc

Masan được dẫn dắt bởi một đội ngũ chuyên gia gồm những nhân tài trong và ngoài nước với bề dày thành tích trong việc xây dựng công ty và thương hiệu trong thị trường mới nổi.

Nhiều thành viên trong đội ngũ nhân sự của chúng tôi cũng đồng thời là cổ đông của công ty. Điều này là nền tảng cho văn hóa khởi nghiệp và tinh thần dám nghĩ dám làm "can do" tại Masan.

Để tiếp nối con đường thành công, chúng tôi vươn đến mục tiêu là nơi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, là nhà tuyển dụng được yêu thích nhất ở Việt Nam.





230.000

ĐIỂM BÁN HÀNG TRONG NĂM 2014



Cam kết của chúng tôi

Chúng tôi cam kết củng cố vị thế của mình, trở thành công ty tư nhân hàng đầu trong lĩnh vực FMCG, dẫn đầu về thị phần, khả năng sinh lợi và tạo giá trị cho cổ đông.

Chúng tôi cam kết là đối tác uy tín tại Việt Nam. Theo đuổi mục đích “cùng nhau chiến thắng”, chúng tôi mong muốn cùng đối tác của mình phát triển.

Chúng tôi cam kết trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam, nơi đào tạo những tài năng và khiến họ tự hào khi là một phần của gia đình Masan.

Và quan trọng nhất là chúng tôi cam kết với những giá trị có ý nghĩa quan trọng dẫn dắt chúng tôi đến với thành công, giá trị mà chúng tôi theo đuổi từ những ngày đầu khởi nghiệp-lời cam kết nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người Việt Nam mỗi ngày.

KẾT QUẢ KINH DOANH ẨM THỰC NĂM 2014

Trong giai đoạn 2011 - 2013, nền kinh tế trì trệ và có nhiều biến động, tuy nhiên năm 2014 đã bắt đầu xuất hiện các dấu hiệu phục hồi về kinh tế. Tận dụng điều đó, Masan Consumer đã đầu tư có chọn lọc tạo nền tảng chuyển đổi vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiêu dùng tại Việt Nam trong những năm sắp tới.



Tái định vị ngành hàng, tiếp tục giới thiệu các sản phẩm có tính đột phá mới

MASAN CONSUMER TIN RẰNG GIÁ TRỊ ĐƯỢC TẠO RA TỪ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU TIÊU DÙNG LỚN CHƯA ĐƯỢC THỎA MÃN. ĐIỀU NÀY ĐÒI HỎI CHÚNG TÔI PHẢI NHÌN NHẬN THỊ TRƯỜNG THEO NHỮNG CÁCH MỚI MẸ VÀ NHIỀU SÁNG TẠO ĐỂ NHẢM BẮT CƠ HỘI. TRONG SUỐT NHỮNG NĂM QUA, QUA VIỆC TÁI ĐỊNH VỊ LẠI NGÀNH HÀNG, CHÚNG TÔI ĐÃ MỞ RỘNG VÀ VƯƠN ĐẾN NHỮNG THỊ TRƯỜNG ĐẦY TIỀM NĂNG.

Và chúng tôi tin rằng chúng tôi có nền tảng vững chắc để chiến thắng. Nền tảng ấy chính là những thương hiệu được tin dùng, những phát minh táo bạo của bộ phận R&D, những cơ sở sản xuất tiên tiến, đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và hệ thống phân phối vững mạnh. Vì thế, chúng tôi tin tưởng rằng Masan Consumer sẽ khẳng định được vị thế dẫn đầu của mình ở ngành hàng thực phẩm và đồ uống trong những năm sắp tới.

Trong năm 2014, Công ty đã tái định vị các ngành hàng, mở rộng thị trường tiềm năng của mình lên mức 5 tỷ USD, chưa tính đến ngành thịt mà Masan Consumer mới vừa tham gia vào gần đây. Các chương trình phát triển và giới thiệu sản phẩm của Công ty tập trung vào 4 ngành hàng chủ yếu:



○ Ngành hàng thực phẩm tiện lợi

Chúng tôi tiếp tục mở rộng ngành hàng thực phẩm tiện lợi, bao gồm các giải pháp cung cấp bữa ăn thay thế bữa ăn truyền thống thông qua việc tung ra sản phẩm bữa ăn sáng ăn liền Komi. Đầu năm 2015, chúng tôi đã thực hiện mua lại toàn bộ 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn, tạo tiền đề cho Masan bước vào ngành thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt có giá trị 16 tỷ USD. Thương vụ này giúp chúng tôi đa dạng hơn nguồn cung ứng thực phẩm đến người tiêu dùng với sản phẩm xúc xích tiết trùng giàu dinh dưỡng và giá cả hợp lý.



○ Ngành hàng gia vị

Chúng tôi định nghĩa lại ngành hàng nước chấm thành ngành hàng gia vị qua việc mở rộng các sản phẩm của mình như việc giới thiệu sản phẩm gia vị dạng hạt - Hạt nêm Nam Ngu 3 Vị. Ngoài ra, chúng tôi thực hiện cấu trúc lại toàn bộ danh mục sản phẩm, giới thiệu các lựa chọn mới cho người tiêu dùng các sản phẩm nước mắm, nước tương và tương ớt tại các phân khúc khác nhau bằng việc tung ra sản phẩm nước mắm Nam Ngu 3-trong-1, Chin-su 3 Ngon, tái tung tương ớt Chin-su. Trong năm 2014, chúng tôi đã trở thành cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, là công ty có danh mục các sản phẩm nổi tiếng và giữ thị phần lớn trong ngành nước chấm và gia vị.



○ Ngành hàng cà phê

Trong ngành hàng cà phê, chúng tôi đã mở rộng hơn thị trường cà phê hòa tan truyền thống qua việc giới thiệu nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247 lần đầu tiên tại Việt Nam. Sản phẩm Wake-Up 247 đã ra mắt thành công và cho người tiêu dùng lựa chọn tiện lợi, phù hợp với nhu cầu và tập quán tiêu dùng của nhóm khách hàng mục tiêu. Thành công của Wake-Up 247 đã góp phần giúp thương hiệu Wake-Up trở thành thương hiệu mẹ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong năm 2014 (Nielsen), là thương hiệu lớn có doanh số vượt ngưỡng 1.000 tỷ đồng.



○ Ngành hàng đồ uống

Sau khi mua lại Vĩnh Hảo, thương hiệu nước khoáng lâu đời nhất Việt Nam, chúng tôi đã phát triển danh mục sản phẩm vốn đơn thuần chỉ có nước khoáng, nay đã đa dạng với các sản phẩm nước uống đóng chai.

Trong năm 2014, chúng tôi đã làm mới nhận dạng thương hiệu qua việc tái tung các sản phẩm nước khoáng Vĩnh Hảo và nước khoáng chanh Lemona trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra, chúng tôi còn giới thiệu sản phẩm mới nước khoáng chanh muối Lemona, một sản phẩm quen thuộc của người Việt Nam kết hợp trên nền nước khoáng nổi tiếng của Vĩnh Hảo.

KẾT QUẢ KINH DOANH ẨM TƯỞNG NĂM 2014 (TIẾP THEO)

Xây dựng các thương hiệu mạnh

Ở Masan, chúng tôi tin rằng sở hữu các thương hiệu mạnh và được nhận biết rộng rãi, được người tiêu dùng tin tưởng là giá trị cốt lõi. Masan Consumer đã đầu tư xứng đáng vào việc xây dựng và quảng bá các thương hiệu của mình, xây dựng nên các thương hiệu lớn như Chin-su, Nam Ngư, Tam thái tử, Omachi, Kokomi, Sagami, Vinacafe, Wake-Up, Kachi, Vĩnh Hảo và Lemona...

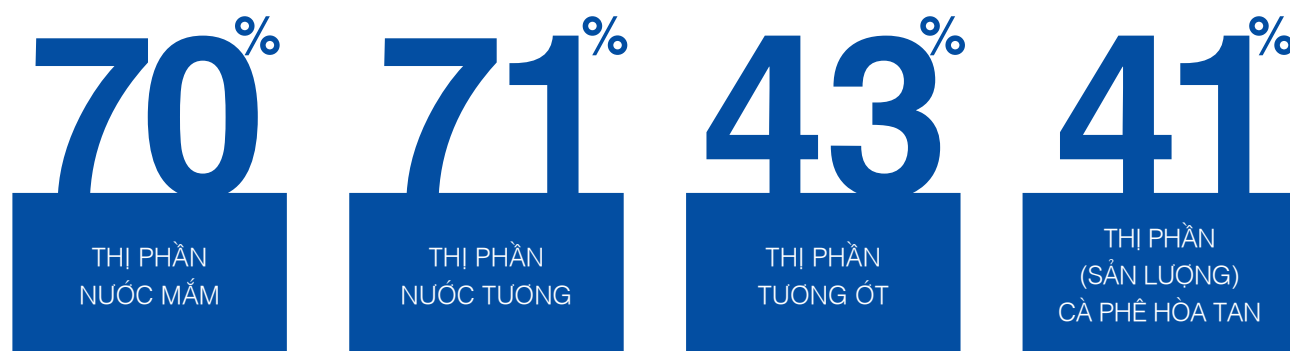
Kết thúc năm 2014, Masan Consumer đã sở hữu 6 thương hiệu có quy mô doanh số từ 1.000 tỷ trở lên; Các thương hiệu của Masan Consumer được xếp hạng là các thương hiệu được người tiêu dùng lựa chọn nhiều nhất tại các khu vực nông thôn và là các thương hiệu được người tiêu dùng lựa chọn nhiều thứ hai tại các khu vực thành thị (Kantar Worldpanel).



Các nhãn hàng có doanh thu hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2014



Thị phần các ngành hàng trong năm 2014



Nguồn: Nielsen 2014

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các năng lực mới có tính chuyển đổi

Năng lực cung ứng

Năm 2014 cho thấy sự tăng trưởng ấn tượng trong ngành hàng đồ uống mà chúng tôi đã đầu tư rất nhiều nguồn lực. Với tầm nhìn chiến lược, chúng tôi đã thành lập Masan Beverage nhằm đảm bảo việc xây dựng chiến lược và hoàn thiện năng lực vận hành ngành đồ uống được rõ ràng và tập trung.

Chính thức bước vào thị trường đồ uống năm 2013, Masan Consumer đã nhanh chóng đầu tư, triển khai xây dựng và nghiệm thu vận hành hoàn chỉnh trong thời gian kỷ lục với nhà máy sản xuất nước giải khát tự động tại Vinh Hảo, điều này cho phép Công ty nhanh chóng giới thiệu và cung ứng ra thị trường loạt sản phẩm nước uống đóng chai bao gồm Wake-Up 247, Lemona chanh muối với chất lượng cao và sản lượng ổn định.

Tại Vinacafe, nhà máy sản xuất bột cà phê hòa tan Long Thành đã vận hành ổn định ở mức hiệu suất thiết kế, xóa bỏ hoàn toàn lệ thuộc vào bột cà phê

nhập khẩu, là nền tảng cho việc chủ động nguồn nguyên liệu trong phát triển sản phẩm mới và sản xuất cung ứng hàng hóa, giảm giá thành và tăng lợi nhuận gộp của ngành hàng.

Tháng 11/2014, Masan Consumer đã chính thức khởi công xây dựng dự án Trung tâm Công nghiệp Thực phẩm Masan Miền Bắc tại Nghệ An với quy mô cung ứng trên 5.000 tỷ đồng/năm giá trị sản lượng khi đi vào vận hành toàn bộ. Nhà máy hiện đang được thi công khẩn trương với mục tiêu nghiệm thu và vận hành thương mại trong Q3/2015.

Ngoài ra, để phục vụ thị trường trên 30 triệu người tiêu dùng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Masan Consumer đã nhận được giấy phép để xây dựng một trung tâm sản xuất cung ứng thực phẩm và nước giải khát tại Hậu Giang. Dự án dự kiến sẽ được khởi công vào năm 2016.



KẾT QUẢ KINH DOANH ẨM TƯỞNG NĂM 2014 (TIẾP THEO)

Như vậy, đến hết năm 2014, Masan Consumer sở hữu hệ thống phân phối rộng và sâu nhất tại Việt Nam trên cả 63 tỉnh thành; 3 trung tâm phân phối tại Miền Nam, Miền Trung và Miền Bắc; 7 nhà máy sản xuất trực tiếp và nhiều đơn vị gia công gián tiếp khác tại các địa điểm và công đoạn quan trọng trong tổng thể chiến lược phát triển và sở hữu nguồn cung ứng, cho phép Công ty tiếp cận người tiêu dùng nhanh và hiệu quả nhất.

Năng lực phân phối

Sau thời gian khẩn trương xây dựng và thiết lập hệ thống phân phối cho ngành hàng đồ uống, bộ phận phân phối của Vĩnh Hảo và Vinacafe đã chính thức vận hành trên cùng nền tảng cơ sở hạ tầng với hệ thống phân phối hiện có nhưng với đội ngũ nhân viên chuyên biệt. Điều này cho phép ngành hàng đồ uống có thể nhanh chóng tung các sản phẩm mới ra thị trường với sự tập trung cao, phục vụ tốt nhất các yêu cầu đặc thù của ngành hàng.

Masan Consumer là một trong số ít công ty tại Việt Nam có năng lực tiếp cận toàn bộ các kênh phân



phối, bán hàng ngành đồ uống và thực phẩm. Chúng tôi đã triển khai mở rộng thêm các kênh bán lẻ depot, siêu thị và kênh hàng quán bên cạnh các kênh bán hàng truyền thống trong ngành thực phẩm. Hệ thống phân phối đã tăng từ 190.000 lên hơn 230.000 điểm bán lẻ tại thời điểm cuối năm

2014, cung cấp đa chủng loại hàng hóa tiêu dùng, trực tiếp góp phần vào thành công của các đợt tung sản phẩm mới thông qua độ rộng và tốc độ đưa sản phẩm ra điểm bán lẻ.

Trong năm 2014, Masan Consumer đã đầu tư và triển khai thành công Hệ thống Quản trị bán hàng đến từng điểm bán lẻ có chất lượng cao. Hệ thống này sẽ giúp cải thiện khả năng quản lý hệ thống phân phối và giúp chúng tôi có tầm nhìn sâu sắc hơn để đưa ra những quyết định chiến lược, cụ thể như:

- Cơ sở dữ liệu chuẩn của trên 230.000 điểm bán hàng (lượng hàng tồn kho, doanh số, các hoạt động khuyến mãi, hoạt động đầu tư tại điểm bán lẻ...) sẽ được định vị, rà soát, phân loại có cấu trúc từ đó giúp ra

NHƯ VẬY, ĐẾN HẾT NĂM 2014, MASAN CONSUMER SỞ HỮU HỆ THỐNG PHÂN PHỐI RỘNG VÀ SÂU NHẤT TẠI VIỆT NAM TRÊN CẢ 63 TỈNH THÀNH; 3 TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TẠI MIỀN NAM, MIỀN TRUNG VÀ MIỀN BẮC; 7 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỰC TIẾP VÀ NHIỀU ĐƠN VỊ GIA CÔNG GIÁN TIẾP KHÁC TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM VÀ CÔNG ĐOẠN QUAN TRỌNG TRONG TỔNG THỂ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ SỞ HỮU NGUỒN CUNG ỨNG, CHO PHÉP CÔNG TY TIẾP CẬN NGƯỜI TIÊU DÙNG NHANH VÀ HIỆU QUẢ NHẤT.

các quyết định đầu tư nguồn lực, xác định các cơ hội kinh doanh chưa khai thác hết, góp phần tăng cường hiệu quả toàn hệ thống.

- Các phân tích và báo cáo thông minh đa chiều (BI) sẵn sàng phục vụ cho việc quản lý nâng cao năng suất và hiệu quả đầu tư. Dữ liệu và thông tin chiến lược giúp Masan thấu hiểu nhu cầu của khách hàng và người tiêu dùng, từ đó nâng cao năng lực phục vụ. Những thông tin này mang tính chiến lược và có thể cho chúng tôi những góc nhìn sâu sắc mà Masan có thể lên kế hoạch tương lai.

Năng lực quản trị hệ thống

Cùng với việc tăng trưởng quy mô kinh doanh, mở rộng ngành hàng (do mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm mới và tham gia vào ngành hàng mới,...), khối lượng và độ phức tạp trong việc vận hành toàn hệ thống cũng tăng lên. Để đảm bảo tăng trưởng và quản lý rủi ro phát sinh, chúng tôi cần những phương tiện phù hợp. Do đó, Công ty đã tiến hành chuẩn hóa, tối ưu hóa các quy trình, chính sách quản trị nội bộ và hệ thống ERP nhất quán cho tất cả các mảng vận hành và tất cả các công ty thành viên.

Trên nền tảng đó, Công ty đã đầu tư lớn và triển khai thành công Hệ thống Quản trị Nguồn lực doanh nghiệp Oracle ERP R12 và chính thức đưa vào hoạt động eBusiness Suite (EBS) tháng 09/2014. Đến cuối năm 2014, 10 đơn vị thành viên của Masan Consumer đã thực hiện các công tác kế toán, tài chính, quản trị cung ứng trên cùng một nền tảng ERP, cho phép nối kết, kiểm soát giữa các đơn vị thành viên, các phòng ban chức năng trong toàn bộ hệ thống các đơn vị thành viên Masan Consumer.

Trong năm 2015, Công ty sẽ tiếp tục hoàn tất triển khai EBS cho các thành viên mới và đưa vào vận hành các module nâng cao của ERP bao gồm Quản trị Chuỗi Cung ứng (Oracle ASCP - Advance Supply Chain Planning), Quản trị Ngân sách và Thành tích (Oracle EPM - Enterprise Performance Management) và các module Hệ thống Phân tích ra quyết định (BI - Business Intelligent).



KẾT QUẢ KINH DOANH ỨNG TƯỢNG NĂM 2014 (TIẾP THEO)



CHÚNG TÔI TIN RẰNG CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA CÔNG TY. CHÚNG TÔI MONG MUỐN THU HÚT NHỮNG CON NGƯỜI TÀI NĂNG VÀ KHIẾN HỌ CẢM THẤY TỰ HÀO. BÊN CẠNH SỨ MỆNH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM, CHÚNG TÔI CÒN CÓ SỨ MỆNH CAO CẢ KHÁC LÀ **PHÁT TRIỂN THỂ HỆ LÃNH ĐẠO TIẾP THEO**.



Đầu tư vào Nguồn vốn con người

Chúng tôi tin rằng con người là tài sản quý giá nhất của Công ty. Chúng tôi mong muốn thu hút những con người tài năng và khiến họ cảm thấy tự hào. Bên cạnh sứ mệnh nâng cao chất lượng cuộc sống của người tiêu dùng Việt Nam, chúng tôi còn có sứ mệnh cao cả khác là phát triển thế hệ lãnh đạo tiếp theo. Với mục tiêu “Công ty là Nơi Hội tụ và Nuôi dưỡng khát vọng Tài năng”, bộ phận nhân sự đã tập trung các hoạt động của mình vào 4 mảng chính sau đây:

- Xây dựng đội ngũ nhân lực mạnh và chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của Công ty cho hiện tại và tương lai.
- Xây dựng chiến lược về tổng thu nhập đảm bảo sự nhất quán giữa mức thưởng và thành tích làm việc. Chúng tôi muốn những cá nhân mang lại giá trị cho Công ty sẽ nhận được thành quả tài chính tương xứng. Đó là lý do tại sao chúng tôi cam kết tạo mọi cơ hội cho mỗi cá nhân có điều kiện được đầu tư cho tương lai của mình.
- Xây dựng hệ thống quản trị nhân lực đơn giản, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao. Thông qua đó giúp nhân viên có thể tối ưu hóa năng lực và tiềm năng cá nhân tập trung cho các hoạt động phát triển doanh nghiệp.
- Xây dựng văn hóa của những người chiến thắng, của những nhà doanh nhân, nơi luôn đề cao sự hợp tác đồng đội, tinh thần khởi nghiệp.

Masan Consumer cam kết sẽ trở thành một nơi mà đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được tạo mọi điều kiện để phát huy tối đa khả năng. Chỉ khi đó thì các mục tiêu dài hạn của Công ty mới có thể đạt được một cách bền vững.

#31
TRONG TOP 100 NƠI
LÀM VIỆC TỐT NHẤT
VIỆT NAM NĂM 2014¹

¹ Nguồn: Amphabe

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KHÁI QUÁT



Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 bắt đầu có dấu hiệu hồi phục cùng với kinh tế toàn cầu. GDP của cả nước khả quan khi đạt được mức tăng trưởng 5,9% so với mục tiêu 5,8%. Mức lạm phát thấp thể hiện thông qua chỉ số giá CPI đạt 4,1% được kiểm soát thành công và bên cạnh đó, chế độ tỷ giá hối đoái cũng được duy trì ổn định.

Năm 2014 tiếp tục là năm đầu tư của Masan Consumer khi chúng tôi tiếp tục thâm nhập sâu hơn và rộng hơn vào thị trường hàng

tiêu dùng Việt Nam. Chúng tôi đầu tư vào hoạt động phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, xây dựng hạ tầng cung ứng sản phẩm, đầu tư nâng cao hạ tầng thông tin quản trị và tuyển dụng các nhân tài ở cấp quản lý.

Thông qua hoạt động xác định lại các ngành hàng chính tập trung vào các ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi và thâm nhập sâu hơn vào ngành hàng đồ uống, chúng tôi đã tăng thị trường các sản phẩm tiêu dùng lên gấp 4 lần, từ 1,1 tỷ đô la Mỹ lên gần 5

tỷ đô la Mỹ (chưa bao gồm thị trường thịt 16 tỷ USD).

Về phát triển nhãn hiệu, trong năm chúng tôi đã giới thiệu các nhãn hiệu mới cùng việc tái tung các sản phẩm hiện có của Tập đoàn như: nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247, cà phê hòa tan Wake-Up 2-trong-1, nước khoáng chanh Lemona, hạt nêm Nam Ngu 3 Vị, nước mắm Chinsu 3 Ngon... Những đầu tư này đã đóng góp gần 1.000 tỷ đồng doanh thu đến từ sản phẩm mới trong toàn Tập đoàn trong năm nay, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Năm 2014 là năm khó khăn cho các công ty hàng tiêu dùng, đặc biệt là các nhãn hiệu mới khi người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu cùng với việc dè dặt tiếp cận các sản phẩm mới. Tuy nhiên, thành công từ việc phát triển giới thiệu sản phẩm mới của Công ty cho thấy việc đầu tư vào thương hiệu, sản phẩm mới đã đi đúng hướng và có hiệu quả trong năm 2014.

THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH LẠI CÁC NGÀNH HÀNG CHÍNH TẬP TRUNG VÀO CÁC NGÀNH HÀNG GIA VỊ, THỰC PHẨM TIỆN LỢI VÀ THÂM NHẬP SÂU HƠN VÀO NGÀNH HÀNG ĐỒ UỐNG, CHÚNG TÔI ĐÃ TĂNG THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM TIÊU DÙNG LÊN GẤP 4 LẦN, TỪ 1,1 TỶ ĐÔ LA MỸ LÊN GẦN 5 TỶ ĐÔ LA MỸ (CHƯA BAO GỒM THỊ TRƯỜNG THỊT 16 TỶ USD)

Về hạ tầng cung ứng sản phẩm, sau khi tích hợp thành công Vinacafe Biên Hòa - công ty sản xuất cà phê hòa tan hàng đầu Việt Nam vào năm 2014, chúng tôi đã tăng gần gấp ba lần công suất chế biến cà phê hòa tan của Vinacafe sau khi vận hành thành công nhà máy mới tại Long Thành, nhờ đó loại bỏ hoàn toàn việc phải nhập khẩu bột cà phê. Tại Vinh Hảo, sau khi đầu tư đồng bộ dây chuyền đóng chai tự động với công nghệ hiện đại và nâng cấp hạ tầng phụ trợ sản xuất, năng lực sản xuất của nhà máy Vinh Hảo đã được nâng công suất lên 250% so với năm trước đồng thời cho phép quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao, ổn định. Chúng tôi cũng đã quyết định đầu tư xây mới một “Trung tâm Công nghiệp Thực phẩm Miền Bắc” tại tỉnh Nghệ An, tăng mức cung sản lượng ngành mì thêm 20% và nước mắm thêm 40%, đồng thời rút ngắn khoảng cách và thời gian luân chuyển hàng hóa từ sản xuất đến tiêu dùng thêm một bước lớn. Việc đầu tư này sẽ giúp giảm giá thành sản phẩm đến tay người tiêu dùng khi tiết kiệm được chi phí vận chuyển đồng thời mở ra cơ hội cung cấp các sản phẩm tươi mới

hơn, được phát triển đặc thù cho khu vực miền Bắc. Cũng trong ngành hàng gia vị, chúng tôi đã đầu tư một dây chuyền chế biến, đóng gói nước tương mới hoàn toàn tự động có thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu tiêu thụ hiện tại của thị trường nội địa. Trong năm 2014, chúng tôi cũng đã đầu tư nâng công suất nhà máy sản xuất, chế biến nước mắm cốt tại Phú Quốc lên hơn 50% công suất hiện tại, giúp chúng tôi có thể chủ động hơn trong nguồn nguyên liệu sản xuất các sản phẩm nước mắm cao cấp của chúng tôi.

Về phát triển mạng lưới phân phối, đến thời cuối năm 2014, số điểm bán lẻ của toàn Công ty đã đạt được trên 230 nghìn điểm bán lẻ, trong đó khoảng 190 nghìn điểm bán hàng cho ngành hàng thực phẩm và khoảng 110 nghìn điểm bán hàng cho ngành đồ uống (tính luôn điểm bán lẻ dành cho cả thực phẩm và đồ uống). Như vậy, sự mở rộng hệ thống phân phối cho ngành hàng đồ uống đã tăng cường sự hiện diện của chúng tôi tại các kênh hàng quán. Hiện nay, Vinacafe đã phục vụ trên các chuyến bay của Vietnam Airline và Đường Sắt Việt Nam.



“Trung tâm Công nghiệp Thực phẩm miền Bắc” tại Nghệ An

KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

LÀM ÍT VIỆC HƠN NHƯNG PHẢI LÀM VIỆC LỚN HƠN “DOING FEWER – BIGGER” LÀ PHƯƠNG CHÂM CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014.



Hơn nữa, để quản lý hệ thống phân phối với quy mô ngày càng lớn, phục vụ nhiều ngành hàng, nhiều kênh phân phối đặc thù, Masan Consumer đã quyết định đầu tư lớn xây dựng nền tảng công nghệ quản trị hệ thống bán hàng hoàn toàn mới nhằm tạo lập năng lực cạnh tranh vượt trội trong lĩnh vực phân phối. Hệ thống Quản trị Bán hàng và Phân phối trên nền tảng các giải pháp của Oracle và Siebel và các giải pháp di động, công nghệ quản trị đám mây cho phép quản trị hệ thống hiệu quả, tích hợp hoàn toàn với các hệ thống quản trị của Tập đoàn. Lần đầu tiên, các luồng thông tin bán hàng từ Masan Consumer đến hơn 230.000 điểm bán lẻ với hơn 2.000 nhân viên bán hàng và quản lý bán hàng của các ngành hàng khác nhau. Quan trọng hơn là nhờ đó mà chúng tôi đã có được hiểu biết sâu sắc về người tiêu dùng và ra được chiến lược tiếp cận thị trường phù hợp.

Trong năm 2014, chúng tôi đã hoạt động hiệu quả hơn và vì vậy lợi nhuận gộp biên của chúng tôi đã có nhiều cải thiện. Lợi nhuận gộp biên của chúng tôi tăng từ 42% trong năm 2013 lên 44% trong năm 2014 nhờ vào quy mô sản xuất tăng lên, giá thu mua nguyên vật liệu tốt hơn, quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả và tối ưu hóa trong bố trí sản xuất.

Năm 2014 là năm Masan Consumer đối mặt với những thay đổi liên tục trong khâu vận hành và chi phí trong việc vận chuyển hơn 1 triệu pallet sản phẩm đến kho nhà phân phối trên cả nước. Bắt đầu từ Q2/2014, khi các quy định mới của Chính phủ về tải trọng đường bộ có hiệu lực, cước phí vận chuyển tăng trên 35%. Công ty đã linh hoạt điều chỉnh tuyến giao hàng, tái cơ cấu các trung tâm phân phối, phân bổ lại cơ cấu sản phẩm, thị trường bán hàng để giảm áp lực chi phí vận chuyển trong khi duy trì tỷ suất lợi nhuận kinh doanh. Kết quả đạt được là chi phí vận chuyển hàng hóa cả năm được kiểm soát.



Làm ít việc hơn nhưng phải làm việc lớn hơn “Doing Fewer – Bigger” là phương châm của Công ty trong năm 2014. Do đó, để tập trung vào mảng hàng tiêu dùng, Công ty đã bán toàn bộ vốn cổ phần của Masan Agri, vốn đang nắm giữ 40% cổ phần của thức ăn chăn nuôi Proconco và Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Minh Việt, là công ty con của Masan, chuyên cung cấp màng bao bì, chai, nắp cho các ngành hàng của Công ty. Mặt khác, Công ty đầu tư tăng thêm cổ phần tại Vinh Hào và mua vốn cổ phần của Cholimex. Để gián tiếp đa dạng hóa, tăng danh mục sản phẩm, Masan cũng đã mua 99,99% vốn cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (SNF), hiện đang sản xuất xúc xích và thịt đóng hộp. Việc mua công ty SNF đã mở đường cho Công ty có bước đi đầu tiên vào ngành cung cấp dinh dưỡng từ thịt đầy hứa hẹn tại Việt Nam.

Về mặt tài chính, Masan Consumer đã đạt doanh thu và lợi

nhuận tương ứng là 13.098 tỷ và 3.425 tỷ, tăng trưởng lần lượt 10% và 5% so với năm 2013. Nhờ tính hiệu quả của quy mô lớn và năng suất được cải thiện, lợi nhuận gộp tăng 15% từ 4.999 tỷ đồng trong năm 2013 lên 5.771 tỷ đồng trong năm 2014.

Trong năm 2014, Masan Consumer đã bán lại 51% lợi ích kinh tế của mình trong Masan Agri làm giảm thu nhập từ công ty liên kết. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị 5.800 tỷ đồng, thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ, thực hiện thương vụ mua bán và sáp nhập Cholimex, tăng cường đầu tư vào việc phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu và cơ sở hạ tầng sản xuất và hạ tầng thông tin quản trị... Các hoạt động đầu tư làm giảm số dư tiền bình quân trong năm, trực tiếp làm suy giảm doanh thu tài chính, khiến lợi nhuận hợp nhất của chúng tôi tăng trưởng chậm hơn doanh thu.

13.098 tỷ đồng

DOANH THU NĂM 2014

5.771 tỷ đồng

LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2014

KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

NĂM 2015, CHÚNG TÔI TIN RẰNG SỰ ĐẦU TƯ CỦA MÌNH SẼ ĐƯỢC ĐỀN ĐÁP. VỚI SỰ CHUẨN BỊ TỐT VỀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT, VỀ SỨC MẠNH THƯƠNG HIỆU, VỀ HỆ THỐNG BÁN HÀNG VÀ PHÂN PHỐI, VỀ NĂNG LỰC CỦA ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO VÀ CAM KẾT CỦA TOÀN ĐỘI NGŨ, CHÚNG TÔI TIN NĂM 2015 SẼ LÀ NĂM MỞ ĐẦU CHO MỘT CHƯƠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ ĐỘT PHÁ TIẾP THEO CỦA MASAN CONSUMER.

Triển vọng 2015

Năm 2015, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, niềm tin của người tiêu dùng cùng với GDP bình quân đầu người của người tiêu dùng Việt Nam đang tăng lên.

Năm 2015, chúng tôi tin rằng sự đầu tư của mình sẽ được đền đáp. Với sự chuẩn bị tốt về năng lực sản xuất, về sức mạnh thương hiệu, về hệ thống bán hàng và phân phối, về năng lực của đội ngũ lãnh đạo và cam kết của toàn đội ngũ, chúng tôi tin năm 2015 sẽ là năm mở đầu cho một chương phát triển bền vững và đột phá tiếp theo của Masan Consumer.

Môi trường kinh doanh

Hoạt động của chúng tôi tập trung ở Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi cũng phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế Việt Nam có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm cả sự phát triển kinh tế trên toàn Châu Á.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và tiêu dùng cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp và

mức độ sẵn sàng của tín dụng cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào.

Năm 2015, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, mặc dù có những quan ngại về lạm phát và nợ xấu của khu vực ngân hàng.

Trên bình diện quốc tế, sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ yếu hơn so với mức kỳ vọng hiện nay. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu, mà còn tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với chi tiêu của người tiêu dùng và doanh nghiệp tại Việt Nam, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự biến động giá cả hàng hóa quốc tế. Giá nhiên liệu toàn cầu sẽ duy trì ở mức tương đối cao trong suốt thời kỳ dự báo. Áp lực mạnh do sức cầu gia tăng và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, theo đó, đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam

Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện đã thúc đẩy ngành hàng tiêu dùng ở Việt Nam, vốn đã là nguồn tăng trưởng vững chắc cho ngành thực phẩm và đồ uống bất chấp sự chao đảo kinh tế trên thế giới trong những năm gần đây. Nhu cầu tiêu dùng trong nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng cao nhờ tác động tổng hợp của các yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, mở rộng đô thị hóa, mức gia tăng thu nhập khả dụng và tỷ lệ tiêu dùng.

Việt Nam có dân số đông thứ ba ở khu vực Đông Nam Á, với gần 70% dân số thuộc độ tuổi lao động (từ 15 đến 60 tuổi). Trong khi đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam tạo ra một cơ hội lý tưởng để gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước thì những xu hướng khác gắn liền với những đặc điểm nhân khẩu học thực tế này có thể dẫn đến những thay đổi về mặt cấu trúc trong thị trường hàng tiêu dùng, chẳng hạn như nhu cầu lớn hơn về thực phẩm tiện lợi, sự chú trọng cao hơn vào các khía cạnh chất lượng và an toàn sức khỏe của sản phẩm, sự hợp nhất trong hoạt động kinh doanh và sở thích cao hơn dành cho các sản phẩm có thương hiệu, cùng nhu cầu dành cho các sản phẩm mới.

Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam có triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ nhờ được củng cố bởi mức sống ngày càng tăng của các gia đình Việt. Chỉ tiêu cho thực phẩm và đồ uống đóng gói bình quân đầu người ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các thị trường mới nổi tương đương, thể hiện một tiềm năng tăng trưởng mạnh cho thị trường. Theo Euromonitor, chỉ tiêu bình quân đầu người cho thực phẩm và đồ uống không cồn được kỳ vọng tăng trưởng ở mức 7% hàng năm trong giai đoạn từ 2012 đến 2016, đạt 276 đô la Mỹ vào năm 2016. Sự tăng trưởng trong tương lai dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ sự thay đổi không ngừng trong phong cách tiêu dùng đô thị khi người tiêu dùng ngày càng xem trọng sự tiện lợi, an toàn và sức khỏe. Ngoài ra, mức tiêu dùng ngày càng tăng đối với các sản phẩm hàng tiêu dùng nhanh có thương hiệu ở vùng nông thôn Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng thị trường khi người tiêu dùng ở vùng nông thôn dễ dàng tiếp cận sản phẩm hơn và mặt bằng thu nhập khả dụng tăng lên.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của chúng tôi

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Consumer hoạt động trong các ngành hàng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mại và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận của chúng tôi giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.



Masan Consumer phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình.

Mặc dù Masan Consumer không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Consumer phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ và nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự mất mát nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer.

Triển vọng kinh doanh của Masan Consumer gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam.

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty chúng tôi.

THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu thuần

Năm 2014, Masan Consumer đạt doanh thu thuần 13.098 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 10% so với năm 2013.

Trong năm 2014, tất cả các ngành hàng của Masan Consumer đều tăng trưởng, trong đó đáng kể nhất là các mặt hàng cà phê hòa tan và nước giải khát đóng chai lần lượt tăng trưởng 20% và 80% so với năm 2013. Cà phê hòa tan đạt thị phần 41% về sản lượng vào cuối năm 2014 và giữ vị trí đứng đầu thị trường với thành công của sản phẩm Wake-Up Sài Gòn và Wake-Up 2-trong-1 được tung vào cuối năm. Mặt hàng nước giải khát đóng chai gặt hái thành công từ việc giới thiệu ra thị trường hàng loạt các sản phẩm mới, độc đáo và phù hợp với thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng mục tiêu như Wake-Up 247 và chanh muối Lemona.

Tăng trưởng từ ngành hàng đồ uống giúp duy trì tỷ lệ tăng trưởng bình quân lũy kế của toàn Công ty trong giai đoạn 2009 - 2014 ở mức cao 22%, đồng thời cũng góp phần giúp cân bằng danh mục sản phẩm Công ty theo hướng ổn định, cân đối hơn.

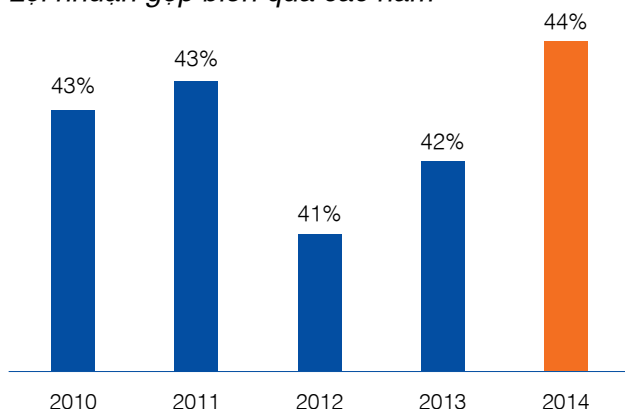
Lợi nhuận

Lợi nhuận gộp của Masan Consumer đạt 5.771 tỷ đồng trong năm 2014, tăng trưởng 15% so với năm 2013. Lợi nhuận gộp biên trong năm 2014 đạt 44% từ mức 42% trong năm 2013. Lợi nhuận gộp biên của Masan có nhiều cải thiện là nhờ các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng sản xuất như nhà máy cà phê hòa tan Long Thành, nhà máy nước giải khát Vĩnh Hảo tạo cơ sở cho việc cải tiến sản xuất, tăng hiệu quả, giảm giá thành. Cùng với chuyển biến có lợi nói chung về giá thị trường nhiên liệu đầu vào, thực hiện việc kiểm soát tốt giá cả các mặt hàng có nhiều biến động như giá cà phê hạt.

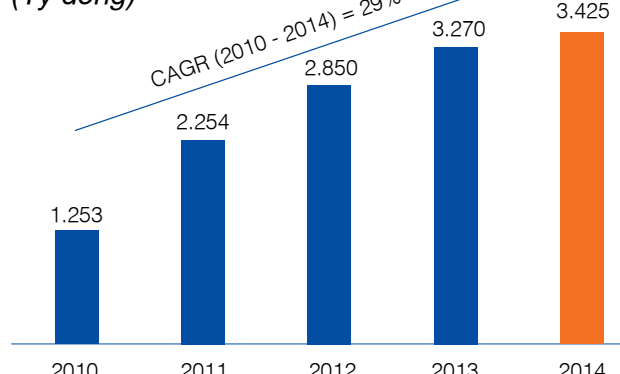
Trong năm 2014, thay đổi trong quy định về tải trọng tối đa đối với xe tải khiến cho giá cước vận tải trên tấn-khối vận chuyển tăng đột biến trên 35% từ quý 2/2014 làm ảnh hưởng đáng kể đến chi phí bán hàng của Công ty. Mặc dù vậy, Công ty đã kịp thời tái cơ cấu phương thức vận hành để thực hiện việc cắt giảm chi phí và giảm thiểu tối đa hậu quả từ thay đổi trên.

Kết thúc năm 2014, lợi nhuận sau thuế so với năm 2013 ở mức 5%, đạt 3.425 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp biên qua các năm



Lợi nhuận thuần qua các năm (Tỷ đồng)



Cấu trúc tài sản

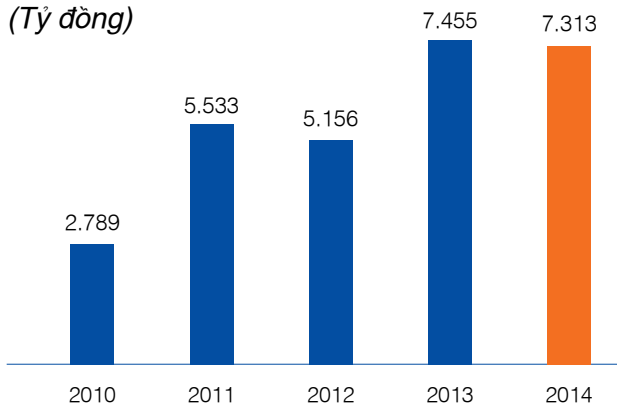
Masan Consumer tin rằng áp dụng chính sách quản trị tài sản và nguồn vốn cẩn trọng với tính thanh khoản cao sẽ giúp chúng tôi luôn sẵn sàng đầu tư cho tương lai và quản trị rủi ro hiệu quả.

Chúng tôi tin vào việc có được số dư tiền mặt lớn để có được cơ hội đầu tư nhằm chuyển đổi công ty nhưng chúng tôi cũng áp dụng những chính sách chặt chẽ trong việc phân bổ nguồn vốn.

Trong năm 2014 Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị chi trả 5.800 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện mua cổ phiếu quỹ và tiến hành đầu tư lớn bao gồm 2 thương vụ mua bán sáp nhập, đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất và hệ thống thông tin quản trị. Tuy nhiên, số dư tiền mặt của Công ty hầu như không thay đổi chứng minh khả năng tạo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh vượt trội của Masan.

Tại ngày 31/12/2014, các khoản tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và đầu tư tài chính khác cao gấp 2,1 lần các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đã thể hiện khả năng thanh toán rất tốt của Công ty.

**Số dư tiền mặt* qua các năm
(Tỷ đồng)**



* Số dư tiền mặt gồm tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn

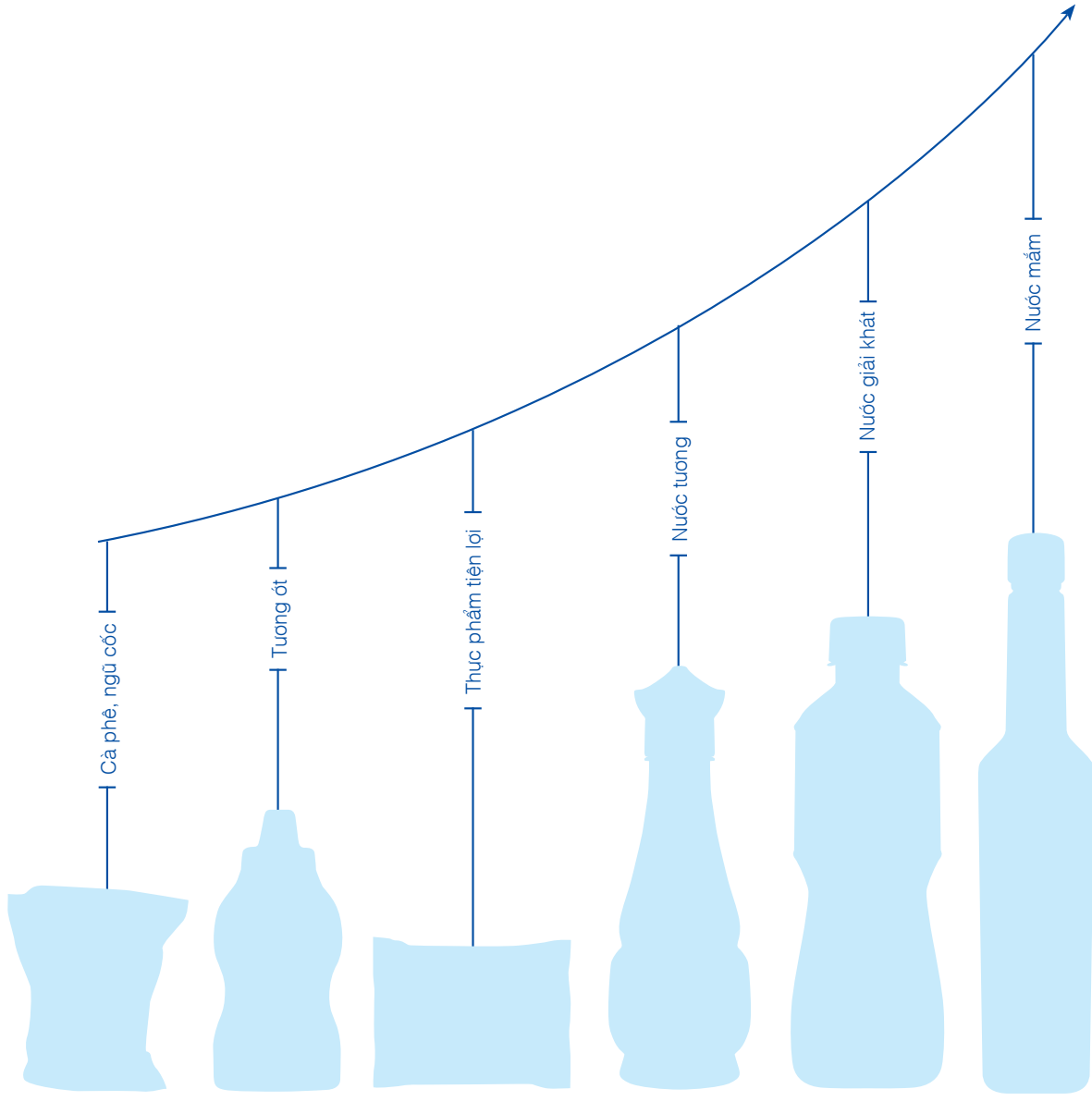
Tỷ VNĐ

Khoản mục	31/12/2014	Khoản mục	31/12/2014
Tiền mặt	3.596	Vay ngắn hạn	4.386
Tiền gửi và cho vay ngắn hạn	3.776	Vay dài hạn	3.885
Tiền gửi và cho vay dài hạn	9.788		
Tài sản Tài chính	17.160	Nợ phải trả	8.271

Mức tích lũy vốn của chủ sở hữu tăng trưởng bình quân lũy kế 49% cho giai đoạn 2010 - 2014. Việc Công ty tiến hành chia cổ tức bằng tiền mặt và mua lại cổ phiếu quỹ trong năm 2014 làm giảm tích lũy trên vốn chủ sở hữu 7.400 tỷ đồng.

Tổng tài sản năm tại ngày 31/12/2014 của Công ty đạt mức 23.957 tỷ, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, số dư tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính) chiếm tỷ trọng 71% trên tổng tài sản, tạo ra sự linh hoạt về chiến lược và tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 27 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Ông Trương Công Thắng	Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2014)
Ông Madhur Mani	Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên
Ông Stephen W. Golsby	Thành viên
Ông Seokhee Won	Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 5 năm 2014)
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 2 năm 2014)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 13 tháng 2 năm 2014)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San ("Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính riêng của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty và các Công ty con đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty và Tập đoàn, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 32 đến trang 115.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-360



Lâm Thị Ngọc Hảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

A blue ink signature of Chang Hung Chun.

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B01/DN-HN

		Tập đoàn		Công ty		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.180.555.940	11.603.185.991	6.376.293.640	10.674.632.808
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	3.595.756.093	4.168.229.325	1.647.716.542	2.240.125.568
Tiền	111		195.720.951	40.691.381	13.216.542	6.425.568
Các khoản tương đương tiền	112		3.400.035.142	4.127.537.944	1.634.500.000	2.233.700.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	3.717.598.214	3.287.000.000	2.337.900.000	3.017.600.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.717.598.214	3.287.000.000	2.337.900.000	3.017.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	921.206.689	3.479.668.412	2.319.578.378	5.379.854.630
Phải thu khách hàng	131		774.327.649	261.862.170	220.365.545	226.806.783
Trả trước cho người bán	132		85.448.323	113.136.065	1.955.493	1.261.833
Các khoản phải thu khác	135		63.494.465	3.106.453.942	2.097.257.340	5.151.786.014
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.063.748)	(1.783.765)	-	-
Hàng tồn kho	140	9	912.218.131	638.304.164	64.893.541	29.294.876
Hàng tồn kho	141		934.536.317	659.043.521	64.930.447	29.677.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.318.186)	(20.739.357)	(36.906)	(382.548)
Tài sản ngắn hạn khác	150		33.776.813	29.984.090	6.205.179	7.757.734
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.453.879	23.258.768	2.722.608	4.930.828
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.243.378	1.660.044	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.120.909	4.675	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.958.647	5.060.603	3.482.571	2.826.906

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		14.776.047.816	14.599.984.359	13.013.600.094	11.688.733.996
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	9.643.460.930	8.012.160.445	9.696.730.897	8.012.160.445
Phải thu dài hạn khác	218		9.643.460.930	8.012.160.445	9.696.730.897	8.012.160.445
Tài sản cố định	220		4.042.606.642	3.612.160.241	205.054.537	9.924.989
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.185.212.679	1.630.503.760	11.776.917	8.058.934
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>3.028.334.189</i>	<i>2.307.661.827</i>	<i>39.986.287</i>	<i>33.307.450</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(843.121.510)</i>	<i>(677.158.067)</i>	<i>(28.209.370)</i>	<i>(25.248.516)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.138.224.187	1.279.685.940	957.323	834.079
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.578.980.315</i>	<i>1.580.701.805</i>	<i>11.018.903</i>	<i>9.982.356</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(440.756.128)</i>	<i>(301.015.865)</i>	<i>(10.061.580)</i>	<i>(9.148.277)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	719.169.776	701.970.541	192.320.297	1.031.976
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	388.075.056	2.156.532.288	3.062.244.316	3.631.480.466
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	2.918.944.316	3.631.480.466
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		240.425.056	2.152.932.288	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		147.650.000	3.600.000	143.300.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		316.880.350	382.012.058	49.570.344	35.168.096
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	187.616.376	283.349.010	3.381.423	3.827.332
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	117.484.368	87.572.154	35.330.603	21.806.874
Tài sản dài hạn khác	268		11.779.606	11.090.894	10.858.318	9.533.890
Lợi thế thương mại	269	16	385.024.838	437.119.327	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.956.603.756	26.203.170.350	19.389.893.734	22.363.366.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01/DN-HN

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.064.868.554	8.182.951.984	7.888.265.678	6.289.153.398
Nợ ngắn hạn	310		6.957.254.781	3.865.103.733	4.878.821.565	6.098.918.318
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	4.386.028.263	2.175.419.241	2.247.511.608	3.044.235.862
Phải trả người bán	312	18	550.485.687	595.598.790	2.028.927.617	2.491.154.083
Người mua trả tiền trước	313		23.684.483	21.657.594	5.488.976	6.053.416
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	826.956.095	441.425.642	367.561.529	39.611.682
Phải trả người lao động	315		252.649	20.367.724	13.693	6.678
Chi phí phải trả	316	20	895.243.472	525.285.621	223.087.394	141.907.645
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	21	249.586.246	69.648.864	6.230.748	375.948.952
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		25.017.886	15.700.257	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		4.107.613.773	4.317.848.251	3.009.444.113	190.235.080
Phải trả dài hạn khác	333	22	24.297.318	16.516.594	135.132.041	-
Vay và nợ dài hạn	334	23	3.884.741.532	3.897.384.660	2.874.312.072	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	195.885.789	400.694.916	-	190.235.080
Dự phòng dài hạn	337		2.689.134	3.252.081	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.763.481.281	15.944.940.822	11.501.628.056	16.074.213.406
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.763.481.281	15.944.940.822	11.501.628.056	16.074.213.406
Vốn cổ phần	411	25	5.313.263.220	5.273.359.100	5.313.263.220	5.273.359.100
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395
Quỹ khác	413		(265.775.657)	(238.608.966)	-	-
Cổ phiếu quỹ	414	25	(1.640.252.631)	-	(1.640.252.631)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18.324.741	18.324.741	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.407.232	4.407.232	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.245.457.981	5.799.402.320	2.740.561.072	5.712.797.911
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	1.128.253.921	2.075.277.544	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		23.956.603.756	26.203.170.350	19.389.893.734	22.363.366.804

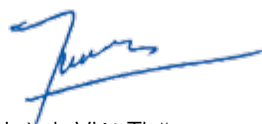
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ bao gồm trong tiền:				
▪ USD	5.862.492	25.569.950	868	208.391
▪ EUR	179.149	7.547	-	-

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/DN-HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Tổng doanh thu	01	27	13.328.462.984	12.105.989.006	10.137.404.365	9.807.268.861
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	230.015.088	163.456.190	135.702.569	91.593.818
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	13.098.447.896	11.942.532.816	10.001.701.796	9.715.675.043
Giá vốn hàng bán	11	28	7.326.977.401	6.943.196.021	9.092.666.651	8.839.766.342
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.771.470.495	4.999.336.795	909.035.145	875.908.701
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	2.171.360.512	1.755.709.999	3.662.294.974	3.625.959.575
Chi phí tài chính	22	30	511.088.556	437.621.192	417.057.517	394.010.843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>374.716.188</i>	<i>388.753.736</i>	<i>416.663.186</i>	<i>393.945.418</i>
Chi phí bán hàng	24		2.710.498.707	1.981.587.161	900.761.844	675.913.471
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		646.663.608	566.832.851	236.966.493	204.796.930
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.074.580.136	3.769.005.590	3.016.544.265	3.227.147.032
Thu nhập khác	31	31	59.263.142	53.868.594	12.935.929	6.017.038
Chi phí khác	32	32	53.377.745	41.534.747	12.141.818	5.141.412
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.885.397	12.333.847	794.111	875.626
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	45		73.608.418	183.016.192	-	-
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		4.154.073.951	3.964.355.629	3.017.338.376	3.228.022.658
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	33	964.014.338	567.614.002	391.791.038	107.336.045
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	33	(234.866.100)	126.409.364	(203.758.809)	189.597.299
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		3.424.925.713	3.270.332.263	2.829.306.147	2.931.089.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		3.424.925.713	3.270.332.263	2.829.306.147	2.931.089.314
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		157.665.928	174.558.661	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		3.267.259.785	3.095.773.602	2.829.306.147	2.931.089.314

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6.171	5.898	N/A	N/A
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		34	N/A	5.669	N/A	N/A

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03/DN-HN

		Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản	01	4.154.073.951	3.964.355.629	3.017.338.376	3.228.022.658
Khấu hao và phân bổ	02	471.594.821	428.607.400	4.250.060	6.484.539
Các khoản dự phòng	03	64.374.710	34.705.996	249.776	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	49.069.492	(3.950.564)	(77.964)	13.146
Lỗ/(lãi) từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	8.476.464	7.521.556	35.985	(53.247)
Lãi từ thanh lý đầu tư vào công ty con	05	-	-	-	(246.068)
Lợi thế thương mại âm phát sinh từ việc mua lại công ty con	05	-	(213.962.708)	-	-
Thu nhập lãi, cổ tức và thu nhập liên quan từ hoạt động đầu tư	05	(2.147.064.742)	(1.491.082.757)	(3.661.760.069)	(3.624.949.754)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05	(73.608.418)	(183.016.192)	-	-
Chi phí lãi vay	06	374.716.188	388.753.736	416.663.186	393.945.418
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.901.632.466	2.931.932.096	(223.300.650)	3.216.692
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(7.820.916)	(135.187.199)	(7.154.374)	(177.506.297)
Biến động hàng tồn kho	10	(380.064.843)	(53.410.622)	(35.848.441)	7.748.028
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	188.673.368	319.242.354	(406.004.346)	219.255.836
Biến động chi phí trả trước	12	18.508.191	5.742.294	1.947.304	(1.898.965)
		2.720.928.266	3.068.318.923	(670.360.507)	50.815.294
Tiền lãi vay đã trả	13	(259.493.639)	(349.694.242)	(56.250.272)	(34.822.108)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(560.426.360)	(778.250.034)	(49.415.125)	(372.749.311)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.025.218)	(28.159.669)	(2.801.812)	(1.317.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	1.882.983.049	1.912.214.978	(778.827.716)	(358.073.233)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

		Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(748.070.962)	(333.673.975)	(179.189.759)	(7.471.121)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	4.644.502	1.572.599	359.858	3.901.078
Khoản vay cấp cho các công ty liên quan	23	(735.000.000)	(4.410.000.000)	(785.000.000)	(4.410.000.000)
Tiền thu hồi các khoản vay cấp cho các công ty liên quan	24	248.322.907	-	248.322.907	27.330.695
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(25.420.917.662)	(43.406.556.615)	(14.764.330.400)	(25.016.403.221)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	24.685.669.448	42.257.556.615	15.300.730.400	23.646.303.221
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết	25	(43.635.954)	-	(863.104.701)	(438.370.009)
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong các công ty con	26	-	1.061.861.898	470.693.780	1.061.861.898
Tiền thu lãi và cổ tức	27	1.399.817.681	425.442.312	3.305.231.941	2.337.798.246
Mua các công ty con, tiền thuần chi ra		-	(431.584.603)	-	-
Thanh lý công ty con, tiền thuần chi ra		(18.940.028)	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(628.110.068)	(4.835.381.769)	2.733.714.026	(2.795.049.213)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	39.904.120	2.236.487.265	39.904.120	2.236.487.265
Tiền thu từ vốn góp trong công ty con bởi cổ đông thiểu số	31	17.676.230	-	-	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	(1.640.252.631)	-	(1.640.252.631)	-
Tiền thu từ khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn	33	11.546.557.707	7.376.669.278	6.220.659.094	3.836.340.671
Tiền thu từ khoản vay các công ty con ngắn hạn và dài hạn	33	-	-	254.000.000	2.123.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(9.332.503.013)	(5.879.222.265)	(4.894.103.348)	(3.673.991.030)
Tiền chi trả nợ gốc vay cho các công ty con	34	-	-	(84.000.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.458.428.440)	(24.876.448)	(2.443.502.571)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.827.046.027)	3.709.057.830	(2.547.295.336)	4.522.036.906

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03/DN-HN

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(572.173.046)	785.891.039	(592.409.026)	1.368.914.460
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.168.229.325	3.383.585.011	2.240.125.568	871.211.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(300.186)	(1.246.725)	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)	70	3.595.756.093	4.168.229.325	1.647.716.542	2.240.125.568

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

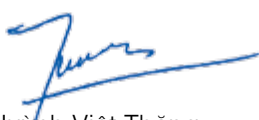
	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
▪ Cấn trừ thu nhập lãi phải thu với chi phí lãi vay phải trả cho công ty mẹ của công ty mẹ và một công ty con	20.198.451	-	25.754.622	-
▪ Chuyển thu nhập lãi và phí duy trì khoản vay phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ sang khoản vay cấp cho công ty mẹ	2.831.625.023	-	2.831.625.023	-
▪ Cấn trừ cổ tức phải trả với:				
- Lãi phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ (Thuyết minh 6(a))	141.548.524	-	141.548.524	-
- Thu từ thanh lý một công ty con (Thuyết minh 6(a))	1.104.947.070	-	1.104.947.070	-
- Khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ và công ty mẹ	2.108.529.246	-	2.108.529.246	-
▪ Mua công ty con và công ty liên kết chưa thanh toán	239.180.200	43.396.598	-	-
▪ Phải thu từ thanh lý các công ty con (Thuyết minh 6(b))	500.000.000	-	-	-
▪ Chi trả nợ gốc vay bằng cách cấn trừ với tiền thu từ các khoản vay mới	-	2.279.880.000	-	-
▪ Chi trả tiền lãi vay bằng cách cấn trừ với tiền vay dài hạn nhận được	-	357.656.228	-	-
▪ Thanh toán khoản đầu tư vào công ty con bằng cách chuyển đổi khoản vay và thu nhập lãi có liên quan thành vốn góp	-	-	-	2.166.552.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Chi phí lãi vay và phí duy trì khoản vay được nhập gốc vào khoản vay dài hạn	-	-	581.244.790	-

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Huỳnh Việt Thắng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B09/DN-HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; sản xuất và mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Hoạt động chính của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày như sau:

			Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2014	31/12/2013
Các công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	Đầu tư tài chính	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị	Lô III-10, đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt	(ii) Sản xuất bao bì	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	-	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	(i) Sản xuất gia vị	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	94,50%	94,50%
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Việt Nam.	100%	100%

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN	(iii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(iv) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	-
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	(v) Đầu tư tài chính	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(vi) Sản xuất đồ uống	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	63,95%	63,51%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(vii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	63,94%	63,50%
Công ty Cổ phần Masan Agri	(viii) Đầu tư tài chính	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	-	51%
Các công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(ix) Sản xuất gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,84%	-
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc	(viii) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	-	20,40%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

- (i) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San ("MSF").
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt ("MVP") là một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF. Trong tháng 12 năm 2014, MSF đã bán 100% cổ phần trong MVP cho một bên thứ ba với số tiền là 500 tỷ VND. Giao dịch này dẫn đến Công ty và MSF lần lượt không còn nắm giữ cổ phần gián tiếp và trực tiếp trong MVP (Thuyết minh 6(b)).
- (iii) Công ty TNHH Một Thành viên Ma San ĐN ("MDN") được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty trực tiếp nắm giữ 100% cổ phần trong MDN.
- (iv) Công ty TNHH Một Thành viên Ma San MB ("MMB") được thành lập vào ngày 20 tháng 10 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901738808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. MMB được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, MMB đang trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất cho sản xuất.

- (v) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage ("MSB") được thành lập vào ngày 28 tháng 5 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312797567 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty nắm giữ trực tiếp 100% cổ phần trong MSB.
- (vi) Trong năm, Công ty đã mua thêm 3.232.377 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC"). Giao dịch này dẫn đến lợi ích của Công ty trong VHC tăng lên từ 63,51% đến 63,95% (Thuyết minh 5 (a)).

Trước đây, VHC được sở hữu trực tiếp bởi Công ty. Vào ngày 22 tháng 9 năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần của Công ty trong VHC cho MSB. Do kết quả từ giao dịch này, VHC trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB.

- (vii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua VHC. Việc tăng cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha là kết quả từ giao dịch Công ty mua thêm cổ phiếu của VHC như đã đề cập bên trên.
- (viii) Công ty Cổ phần Ma San Agri ("MSA") là một công ty con được sở hữu trực tiếp bởi Công ty và nắm giữ 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc ("Proconco"). Vào ngày 28 tháng 5 năm 2014, Công ty đã bán 51% cổ phần trong MSA cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, công ty mẹ của công ty mẹ, với số tiền 1.104.947 triệu VND. Giao dịch này dẫn đến Công ty không còn nắm giữ cổ phần trong MSA và Proconco (Thuyết minh 6 (a)).
- (ix) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San đã hoàn tất việc mua lại 32,84% cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex") với số tiền 240.425 triệu VND bao gồm các chi phí giao dịch (Thuyết minh 5(b)). Do kết quả từ giao dịch này, Cholimex trở thành công ty liên kết của Công ty.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 1.339 nhân viên (31/12/2013: 969 nhân viên) và Tập đoàn có 5.537 nhân viên (31/12/2013: 6.225 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Các báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn gần nhất ("VND'000").

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông ("Cổ đông Kiểm soát") trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn giả định cho hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(ii) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá trị hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Lợi ích cổ đông thiểu số

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỷ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá.

(iii) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác cũng bao gồm đầu tư vào cổ phần của các công ty mà Công ty không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ khi lỗ này đã được xác định trong kế hoạch kinh doanh trước ngày đầu tư). Nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên liên quan khách quan đến một sự kiện xảy ra sau khi khoản dự phòng này được lập thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 4 - 30 năm |
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 3 - 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 - 25 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 - 10 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận như một tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 20 năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 đến 13 năm.

(v) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp và phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 19 năm.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công cụ và dụng cụ cũng bao gồm các tài sản Công ty và Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(iii) Phí thu xếp

Phí thu xếp là các khoản phí liên quan đến việc sắp xếp các hạn mức cho vay mà Công ty hay Tập đoàn phải thanh toán cho bên cho vay và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn vay là 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con và các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty hoặc Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty hoặc Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty hoặc Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần, được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty hoặc Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính khác trên bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(p) *Công cụ tài chính phái sinh*

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về biến động giá của nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán với giá gốc tại ngày hợp đồng phái sinh được ký kết. Các khoản lãi và lỗ đã thực hiện từ các công cụ phái sinh được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(q) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được hủy bỏ, phát hành lại hoặc thanh lý. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ sau đó được bán hoặc phát hành lại, khoản tiền nhận được, trừ đi các chi phí giao dịch, được ghi nhận là khoản tăng vốn chủ sở hữu, và khoản thặng dư hoặc giảm trừ phát sinh từ giao dịch đó được chuyển vào/từ thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và các khoản thu nhập liên quan, cổ tức, lợi thế thương mại âm, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí liên quan, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản liên quan này.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Tập đoàn và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành sáu bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì, đồ uống, thức ăn gia súc và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ tư vấn.

	Thực phẩm			Thức ăn		Hợp nhất
	Gia vị	Thực phẩm tiện lợi	Bao bì	Đồ uống (*)	Thức ăn gia súc (**)	
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài – thuần	5.385.095.251	4.187.121.247	-	3.437.198.563	-	13.098.447.896
Doanh thu giữa các bộ phận – thuần	(131.192.718)	(304.342.591)	439.495.530	(3.960.221)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.253.902.533	3.882.778.656	439.495.530	3.433.238.342	-	13.098.447.896
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.980.789.997	1.402.068.562	56.455.145	1.243.811.653	-	5.771.470.495
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.064.355.727	406.165.491	52.330.919	151.869.166	73.608.418	2.836.674.859
Chi phí bán hàng không phân bổ						18.703.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ						330.054.761
Doanh thu hoạt động tài chính						2.171.360.512
Chi phí tài chính						511.088.556
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận được chia từ công ty liên kết)						4.148.188.554
Thu nhập khác						59.263.142
Chi phí khác						53.377.745
Chi phí thuế TNDN						729.148.238
Lợi nhuận sau thuế TNDN						3.424.925.713

	Gia vi		Thực phẩm	Đồ uống (*)		Thức ăn	Khác	Hợp nhất
	VND'000	VND'000	tiền lợi	Bao bì	VND'000	gia súc (**)		
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài – thuần	5.255.202.157	4.040.929.724		-	2.555.105.667	-	91.295.268	11.942.532.816
Doanh thu giữa các bộ phận – thuần	(128.019.604)	(266.799.740)		394.819.344	-	-	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.127.182.553	3.774.129.984		394.819.344	2.555.105.667	-	91.295.268	11.942.532.816
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.787.874.762	1.272.900.333		49.292.938	799.259.122	-	90.009.640	4.999.336.795
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.121.397.921	484.523.714		44.968.234	40.918.947	183.016.192	90.009.640	2.964.834.648
Chi phí bán hàng không phân bổ								41.639.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ								289.262.622
Doanh thu hoạt động tài chính								1.755.709.999
Chi phí tài chính								437.621.192
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận được chia từ công ty liên kết)								3.952.021.782
Thu nhập khác								53.868.594
Chi phí khác								41.534.747
Chi phí thuế TNDN								694.023.366
Lợi nhuận sau thuế TNDN								3.270.332.263

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Đồ uống bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 51.499 triệu VND (31/12/2013: 45.841 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình với số tiền là 135.834 triệu VND (31/12/2013: 133.134 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định với số tiền là 22.659 triệu VND (31/12/2013: 20.784 triệu VND) trong năm.

(**) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thức ăn gia súc chủ yếu đến từ lợi nhuận được chia từ công ty liên kết là Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ tập đoàn.

	Thực phẩm		Thức ăn		Thức ăn		Thức ăn	
	Gia vị	tiện lợi	Bao bì	Đồ uống	gia súc	Khác	Hợp nhất	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	
Tài sản bộ phận	1,345,586,382	987,919,811	-	2,996,110,327	-	-	5,329,616,520	
Tài sản không phân bổ							18,626,987,236	
Tổng tài sản							23,956,603,756	
Nợ phải trả bộ phận	62,069,273	167,914,213	-	459,655,096	-	-	689,638,582	
Các khoản nợ không phân bổ							10,375,229,972	
Tổng nợ phải trả							11,064,868,554	
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014								
Chi tiêu vốn	224,433,507	115,433,762	13,843,708	300,558,099	-	-	654,269,076	
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	187,965,846	
Khấu hao	105,434,907	79,032,208	5,591,618	73,879,272	-	-	263,938,005	
Khấu hao không phân bổ	-	-	-	-	-	-	14,715,938	
Hao mòn	4,998,647	3,182,198	5,125,035	196,731,025	-	-	210,036,905	
Hao mòn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	108,180,557	

	Thực phẩm		Thức ăn gia súc		Khác	Hợp nhất
	Gia vị	Thực phẩm tiện lợi	Bao bì	Đồ uống		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Tài sản bộ phận	797.724.753	916.645.839	180.946.276	2.752.774.413	-	6.801.023.569
Tài sản không phân bổ						19.402.146.781
Tổng tài sản						26.203.170.350
Nợ phải trả bộ phận	76.531.218	174.756.190	13.893.580	330.993.562	-	596.174.550
Các khoản nợ không phân bổ						7.586.777.434
Tổng nợ phải trả						8.182.951.984
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Chi tiêu vốn	20.553.976	162.447.183	6.706.345	126.155.017	-	315.862.521
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	-	306.935.932
Khấu hao	91.476.462	59.950.378	21.716.892	54.339.145	-	227.482.877
Khấu hao không phân bổ	-	-	-	-	-	15.570.858
Hao mòn	3.910.953	2.425.263	5.439.144	189.215.570	-	200.990.930
Hao mòn không phân bổ	-	-	-	-	-	39.743.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Chi tiết các khoản tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.595.756.093	4.168.229.325
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.717.598.214	3.287.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	793.937.482	3.321.859.841
Hàng tồn kho	126.366.825	114.408.890
Tài sản ngắn hạn khác	12.054.681	20.480.546
Các khoản phải thu dài hạn	9.643.460.930	8.012.160.445
Tài sản cố định	295.811.547	114.712.302
Các khoản đầu tư dài hạn	144.050.000	-
Tài sản dài hạn khác	297.951.464	363.295.432
Tài sản không phân bổ	18.626.987.236	19.402.146.781
Vay và nợ ngắn hạn	4.386.028.263	2.175.419.241
Phải trả người bán	277.466.444	327.917.005
Người mua trả tiền trước	5.733.853	6.053.416
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	778.663.240	400.389.227
Phải trả người lao động	13.693	6.678
Chi phí phải trả	594.204.907	355.556.016
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	246.360.882	23.356.275
Vay và nợ dài hạn	3.884.741.532	3.897.384.660
Phải trả dài hạn khác	6.131.369	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	195.885.789	400.694.916
Các khoản nợ không phân bổ	10.375.229.972	7.586.777.434

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý là Việt Nam.

5. HỢP NHẤT KINH DOANH

(a) Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”) đã tăng từ 63,51% lên 63,95% do kết quả từ việc Công ty mua thêm 0,44% cổ phần trong VHC như sau:

- Vào ngày 27 tháng 6 năm 2014, Công ty đã mua thêm 3.175.592 cổ phiếu của VHC, với số tiền 31.756 triệu VND.
- Vào ngày 23 tháng 7 năm 2014, Công ty đã mua thêm 56.785 cổ phiếu của VHC, với số tiền 568 triệu VND.

Việc mua lại này có ảnh hưởng như sau:

	VND'000
Khoản thanh toán cho việc mua lại – bằng tiền	32.323.771
Phần giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua lại	(33.899.713)
Chênh lệch được ghi nhận vào quỹ khác (Thuyết minh 24)	1.575.942

(b) Mua Cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San đã hoàn tất việc mua lại 32,84% cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“Cholimex”) với số tiền 240.425 triệu VND bao gồm chi phí giao dịch.

Cholimex không đóng góp lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

6. THANH LÝ CÁC CÔNG TY CON

(a) Thanh lý Công ty Cổ phần Masan Agri

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2014, Công ty đã bán 51% cổ phần trong Công ty Cổ phần Masan Agri ("MSA"), một công ty con, công ty này nắm giữ 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc ("Proconco"), một công ty liên kết, cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San ("MSN"), công ty mẹ của công ty mẹ, với số tiền 1.104.947 triệu VND. Giao dịch này dẫn đến Công ty không còn nắm giữ cổ phần trong MSA và Proconco.

Việc thanh lý này ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.955.052
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	64.000.000
Các khoản phải thu khác	1.616.894
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.146.540.706
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(183.349)
Chi phí phải trả	(42.220)
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	2.229.887.083
Phần giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	1.137.242.403
Chênh lệch được ghi nhận vào quỹ khác (Thuyết minh 24)	(32.295.333)
Thu từ khoản thanh lý	1.104.947.070
Cấn trừ với cổ tức phải trả cho MSN	(1.104.947.070)
Tiền và các khoản tương đương tiền đã thanh lý	(17.955.052)
Tiền mặt thuần chi ra	(17.955.052)

Liên quan đến giao dịch trên, Công ty và MSN đã ký một thỏa thuận theo đó MSN đồng ý trả thêm cho Công ty khoản lãi với số tiền là 141.549 triệu VND.

(b) Thanh lý Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt

Trong tháng 12 năm 2014, thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma san, Công ty đã bán 100% cổ phần trong Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (“MVP”) cho một bên thứ ba với số tiền 500 tỷ VND. Sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được 50 tỷ VND. Giao dịch này dẫn đến Công ty không còn nắm giữ cổ phần trong MVP.

Việc thanh lý này ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	984.976
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	96.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.507.494
Hàng tồn kho	42.833.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(626.592)
Tài sản ngắn hạn khác	1.319.478
Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá	89.864.457
Tài sản cố định hữu hình - giá trị hao mòn lũy kế	(73.963.326)
Tài sản cố định vô hình - nguyên giá	3.508.043
Tài sản cố định vô hình - giá trị hao mòn lũy kế	(1.088.367)
Chi phí trả trước dài hạn	4.365.420
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	144.759
Tài sản dài hạn khác	5.000
Vay ngắn hạn	(65.883.800)
Phải trả người bán	(9.079.626)
Người mua trả tiền trước	(16.294.328)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(4.927.687)
Phải trả người lao động	(336)
Chi phí phải trả	(2.637.541)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(1.631.333)
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	68.000.000
Chênh lệch được ghi nhận vào quỹ khác (Thuyết minh 24)	3.552.700
Lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	428.447.300
Thu từ khoản thanh lý	500.000.000
Phải thu từ thanh lý	500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền đã thanh lý	(984.976)
Tiền mặt thuần chi ra	(984.976)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền mặt	1.067.440	2.787.737	483.770	189.930
Tiền gửi ngân hàng	194.653.511	37.903.644	12.732.772	6.235.638
Các khoản tương đương tiền	3.400.035.142	4.127.537.944	1.634.500.000	2.233.700.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3.595.756.093	4.168.229.325	1.647.716.542	2.240.125.568

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VND và có lãi suất dao động trong năm từ 4,4% đến 5,4% một năm (2013: 6% đến 8% một năm đối với tiền gửi bằng VND và 0,25% đến 0,5% một năm đối với tiền gửi bằng USD).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Phải thu từ các công ty con				
Thương mại	-	-	102.933	19.025.123
Phải thu từ các công ty liên quan				
Thương mại	94.476.855	-	94.476.855	-
	94.476.855	-	94.579.788	19.025.123

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 275 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (*)				
▪ Khoản cho vay phải thu	-	2.123.200.000	-	2.123.200.000
▪ Phí duy trì khoản vay dự thu	-	761.256.494	-	761.256.494
▪ Lãi dự thu	-	142.225.315	-	142.225.315
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con (**)				
▪ Cổ tức phải thu	-	-	2.000.437.943	2.029.395.881
▪ Lãi tiền gửi phải thu	-	-	-	5.423.453
▪ Phải thu khác	-	-	54.655.987	18.061.994
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	58.539.975	50.653.431	38.552.592	46.167.832
Phải thu khác	4.954.490	29.118.702	3.610.818	26.055.045
	63.494.465	3.106.453.942	2.097.257.340	5.151.786.014

Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (*)				
▪ Khoản cho vay phải thu	-	6.286.800.000	-	6.286.800.000
▪ Lãi dự thu	-	1.725.360.445	-	1.725.360.445
Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumer-Holdings (*)				
▪ Khoản cho vay phải thu	9.619.772.870	-	9.619.772.870	-
▪ Lãi dự thu	18.975.990	-	18.975.990	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con (***)				
▪ Khoản cho vay phải thu	-	-	50.000.000	-
▪ Lãi dự thu	-	-	3.287.967	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	4.712.070	-	4.694.070	-
	9.643.460.930	8.012.160.445	9.696.730.897	8.012.160.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

- (*) Trong năm, Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“MSN”) và Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings (“MCH”) đã ký kết các thỏa thuận theo đó MSN chuyển toàn bộ khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Công ty và các khoản lãi vay phải trả liên quan và phí duy trì khoản vay phải trả cho Công ty sang cho MCH và MCH đã chấp nhận các nghĩa vụ kể trên và Công ty đã đồng ý việc chuyển nhượng các nghĩa vụ đó.

Các khoản vay dài hạn phải thu từ MCH tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm là 12% một năm (2013: lãi suất dao động từ 10,5% đến 13% một năm). Các khoản vay đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2016. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

- (**) Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

- (***) Khoản vay dài hạn phải thu từ các công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm là 8,5% một năm. Các khoản vay đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2017. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	1.783.765	377.768	-	-
Tăng dự phòng trong năm	500.551	1.492.627	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(150.568)	(56.630)	-	-
Hoàn nhập	(70.000)	(30.000)	-	-
Số dư cuối năm	2.063.748	1.783.765	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn và Công ty được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (Thuyết minh 17).

9. HÀNG TỒN KHO

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	45.741.996	49.521.191	-	2.374.567
Nguyên vật liệu	563.932.364	341.909.418	24.608.970	9.484.708
Công cụ và dụng cụ	59.379.469	62.727.275	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.533.800	67.049.765	-	-
Thành phẩm	219.867.599	117.995.924	2.021.370	1.093.848
Hàng hóa	5.081.089	19.837.558	38.300.107	16.724.301
Hàng gửi đi bán	-	2.390	-	-
	934.536.317	659.043.521	64.930.447	29.677.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.318.186)	(20.739.357)	(36.906)	(382.548)
	912.218.131	638.304.164	64.893.541	29.294.876

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	20.739.357	11.990.882	382.548	395.463
Tăng dự phòng trong năm	67.433.326	38.187.411	249.776	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(61.738.738)	(24.494.894)	(595.418)	(12.915)
Hoàn nhập	(3.489.167)	(4.944.042)	-	-
Thanh lý công ty con	(626.592)	-	-	-
Số dư cuối năm	22.318.186	20.739.357	36.906	382.548

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (Thuyết minh 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tập đoàn	Nhà cửa VND'000	Năng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	628.593.015	7.441.071	35.943.133	1.599.848.720	35.835.888	2.307.661.827
Tăng trong năm	974.350	3.181.387	865.979	4.158.537	-	9.180.253
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	246.360.741	-	1.748.604	604.821.121	3.462.431	856.392.897
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.560.283)	-	-	(3.017.830)	-	(4.578.113)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(480.000)	-	(480.000)
Phân loại lại	570.518	-	538.729	(1.109.247)	-	-
Thanh lý	(2.973.030)	-	(551.225)	(34.784.814)	(7.817.991)	(46.127.060)
Xóa sổ	(2.500.450)	-	(34.305)	(1.316.403)	-	(3.851.158)
Giảm từ thanh lý công ty con	(10.831.836)	-	(1.822.353)	(76.469.146)	(741.122)	(89.864.457)
Số dư cuối năm	858.633.025	10.622.458	36.688.562	2.091.650.938	30.739.206	3.028.334.189
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	85.945.213	7.131.289	15.602.557	551.308.772	17.170.236	677.158.067
Khấu hao trong năm	45.865.989	587.485	5.744.610	221.792.352	4.663.507	278.653.943
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(1.716.690)	-	(1.716.690)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(100.000)	-	(100.000)
Phân loại lại	1.321.492	-	558.138	(1.475.953)	(403.677)	-
Thanh lý	(2.298.754)	-	(550.116)	(24.759.816)	(6.041.831)	(33.650.517)
Xóa sổ	(2.367.372)	-	(34.305)	(858.290)	-	(3.259.967)
Giảm từ thanh lý công ty con	(5.868.502)	-	(1.539.805)	(65.813.899)	(741.120)	(73.963.326)
Số dư cuối năm	122.598.066	7.718.774	19.781.079	678.376.476	14.647.115	843.121.510
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	542.647.802	309.782	20.340.576	1.048.539.948	18.665.652	1.630.503.760
Số dư cuối năm	736.034.959	2.903.684	16.907.483	1.413.274.462	16.092.091	2.185.212.679

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tập đoàn	Nhà cửa	Năng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	453.710.454	7.441.071	35.564.219	1.453.022.198	21.063.832	1.970.801.774
Tặng từ mua công ty con	58.237.841	-	320.246	39.959.385	12.677.092	111.194.564
Tặng trong năm	2.176.389	-	1.456.147	13.799.955	575.000	18.007.491
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	115.473.959	-	11.972.225	135.822.569	2.210.499	265.479.252
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(36.868)	-	(845.659)	(3.153.191)	(19.648)	(4.055.366)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(703.121)	-	(12.072.991)	(11.083.635)	(475.900)	(24.335.647)
Thanh lý	(265.639)	-	(451.054)	(28.518.561)	(194.987)	(29.430.241)
Số dư cuối năm	628.593.015	7.441.071	35.943.133	1.599.848.720	35.835.888	2.307.661.827
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	53.956.756	6.673.656	17.661.469	381.217.850	13.512.339	473.022.070
Khấu hao trong năm	32.747.172	457.633	6.085.781	199.699.927	4.063.221	243.053.734
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(35.383)	-	(806.386)	(2.505.922)	(15.828)	(3.363.519)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(608.960)	-	(6.942.480)	(7.420.728)	(245.964)	(15.218.132)
Thanh lý	(114.372)	-	(395.827)	(19.682.355)	(143.532)	(20.336.086)
Số dư cuối năm	85.945.213	7.131.289	15.602.557	551.308.772	17.170.236	677.158.067
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	399.753.698	767.415	17.902.750	1.071.804.348	7.551.493	1.497.779.704
Số dư cuối năm	542.647.802	309.782	20.340.576	1.048.539.948	18.665.652	1.630.503.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty	Nhà cửa	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.793.737	7.441.071	8.045.863	3.449.906	12.576.873	33.307.450
Tăng trong năm	80.269	3.181.386	244.637	312.400	-	3.818.692
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	383.701	3.230.431	3.614.132
Thanh lý	-	-	-	(753.987)	-	(753.987)
Số dư cuối năm	1.874.006	10.622.457	8.290.500	3.392.020	15.807.304	39.986.287
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.076.711	7.131.289	5.965.860	856.598	10.218.058	25.248.516
Khấu hao trong năm	365.583	587.485	949.329	486.260	930.341	3.318.998
Thanh lý	-	-	-	(358.144)	-	(358.144)
Số dư cuối năm	1.442.294	7.718.774	6.915.189	984.714	11.148.399	28.209.370
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	717.026	309.782	2.080.003	2.593.308	2.358.815	8.058.934
Số dư cuối năm	431.712	2.903.683	1.375.311	2.407.306	4.658.905	11.776.917

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty	Nhà cửa	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.431.411	7.441.071	11.111.596	10.674.211	10.583.885	41.242.174
Tăng trong năm	-	-	851.242	86.726	-	937.968
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	362.326	-	811.964	1.167.785	2.210.499	4.552.574
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	-	(4.617.232)	(473.100)	(22.524)	(5.112.856)
Thanh lý	-	-	(111.707)	(8.005.716)	(194.987)	(8.312.410)
Số dư cuối năm	1.793.737	7.441.071	8.045.863	3.449.906	12.576.873	33.307.450
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	690.153	6.673.656	6.939.301	4.949.134	9.167.515	28.419.759
Khấu hao trong năm	386.558	457.633	1.881.225	465.591	1.209.847	4.400.854
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	-	(2.798.186)	(293.560)	(15.772)	(3.107.518)
Thanh lý	-	-	(56.480)	(4.264.567)	(143.532)	(4.464.579)
Số dư cuối năm	1.076.711	7.131.289	5.965.860	856.598	10.218.058	25.248.516
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	741.258	767.415	4.172.295	5.725.077	1.416.370	12.822.415
Số dư cuối năm	717.026	309.782	2.080.003	2.593.308	2.358.815	8.058.934

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14) và chi phí trả trước ngắn hạn.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá lần lượt là 112.393 triệu VND và 22.263 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 116.882 triệu VND và 16.782 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 815.204 triệu VND (31/12/2013: 676.017 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 17).

Không có tài sản cố định hữu hình nào của Tập đoàn không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.547 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 33.679 triệu VND (31/12/2013: 48.573 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tập đoàn	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Thương hiệu	Quan hệ khách hàng	Tài nguyên nước khoáng	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	173.792.725	23.596.645	702.866.175	375.110.435	305.335.825	1.580.701.805
Tăng trong năm	-	279.996	500.000	-	-	779.996
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.109.747	-	-	-	1.109.747
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(49.958)	-	-	-	(49.958)
Xóa sổ	(30.800)	(22.432)	-	-	-	(53.232)
Giảm từ thanh lý công ty con	(3.508.043)	-	-	-	-	(3.508.043)
Số dư cuối năm	170.253.882	24.913.998	703.366.175	375.110.435	305.335.825	1.578.980.315
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.194.316	9.982.718	125.664.636	142.787.577	2.386.618	301.015.865
Khấu hao trong năm	4.947.356	2.636.031	62.340.468	68.318.952	2.603.582	140.846.389
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(17.759)	-	-	-	(17.759)
Giảm từ thanh lý công ty con	(1.088.367)	-	-	-	-	(1.088.367)
Số dư cuối năm	24.053.305	12.600.990	188.005.104	211.106.529	4.990.200	440.756.128
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	153.598.409	13.613.927	577.201.539	232.322.858	302.949.207	1.279.685.940
Số dư cuối năm	146.200.577	12.313.008	515.361.071	164.003.906	300.345.625	1.138.224.187

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tập đoàn	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Thương hiệu	Quan hệ khách hàng	Tài nguyên nước khoáng	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	144.357.199	9.558.693	544.435.586	320.647.475	-	1.018.998.953
Tăng từ mua công ty con	27.201.037	333.126	158.430.589	54.462.960	305.335.825	545.763.537
Tăng trong năm	2.245.854	2.587.840	-	-	-	4.833.694
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	12.935.667	-	-	-	12.935.667
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	(1.414.143)	-	-	-	(1.414.143)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(11.365)	(404.538)	-	-	-	(415.903)
Số dư cuối năm	173.792.725	23.596.645	702.866.175	375.110.435	305.335.825	1.580.701.805
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.920.168	6.968.787	63.927.508	74.817.745	-	161.634.208
Khấu hao trong năm	4.274.148	3.410.927	61.737.128	67.969.832	2.386.618	139.778.653
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	(235.691)	-	-	-	(235.691)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(161.305)	-	-	-	(161.305)
Số dư cuối năm	20.194.316	9.982.718	125.664.636	142.787.577	2.386.618	301.015.865
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	128.437.031	2.589.906	480.508.078	245.829.730	-	857.364.745
Số dư cuối năm	153.598.409	13.613.927	577.201.539	232.322.858	302.949.207	1.279.685.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty	Phần mềm máy vi tính	Thương hiệu	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.345.992	636.364	9.982.356
Tăng trong năm	163.230	-	163.230
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	923.275	-	923.275
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.958)	-	(49.958)
Số dư cuối năm	10.382.539	636.364	11.018.903
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.568.207	580.070	9.148.277
Khấu hao trong năm	912.880	18.182	931.062
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(17.759)	-	(17.759)
Số dư cuối năm	9.463.328	598.252	10.061.580
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	777.785	56.294	834.079
Số dư cuối năm	919.211	38.112	957.323

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty	Phần mềm máy vi tính	Thương hiệu	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.470.007	636.364	10.106.371
Tăng trong năm	1.583.766	-	1.583.766
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(1.414.143)	-	(1.414.143)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(293.638)	-	(293.638)
Số dư cuối năm	9.345.992	636.364	9.982.356
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.885.248	484.266	7.369.514
Khấu hao trong năm	1.987.881	95.804	2.083.685
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(235.690)	-	(235.690)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(69.232)	-	(69.232)
Số dư cuối năm	8.568.207	580.070	9.148.277
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.584.759	152.098	2.736.857
Số dư cuối năm	777.785	56.294	834.079

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14) và chi phí trả trước ngắn hạn.

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá lần lượt là 10.097 triệu và 9.482 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 4.793 triệu VND và 4.408 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, quyền sử dụng đất của Tập đoàn có giá trị còn lại là 70.093 triệu VND (31/12/2013: 72.958 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	701.970.541	671.860.612	1.031.976	724.803
Tăng từ mua công ty con	-	1.047.378	-	-
Tăng trong năm	891.130.969	316.636.832	195.086.704	4.949.387
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(856.392.897)	(265.479.252)	(3.614.132)	(4.552.574)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.109.747)	(12.935.667)	(923.275)	-
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	(16.429.090)	(9.159.362)	739.024	(89.640)
Số dư cuối năm	719.169.776	701.970.541	192.320.297	1.031.976

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Nhà cửa	49.391.464	216.384.054	19.622.448	-
Máy móc và thiết bị	497.080.463	482.825.716	-	-
Phương tiện vận chuyển	-	697.022	-	108.701
Phần mềm máy vi tính	172.697.849	2.063.749	172.697.849	923.275
	719.169.776	701.970.541	192.320.297	1.031.976

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 37.415 triệu VND và 8.350 triệu VND (2013: của Tập đoàn là 8.274 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (31/12/2013: 176.983 triệu VND) (Thuyết minh 17).

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	3.717.598.214	3.287.000.000	2.337.900.000	3.017.600.000
Các khoản đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào các công ty con (**)	-	-	2.918.944.316	3.631.480.466
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh 5(b) and 6(a)) (***)	240.425.056	2.152.932.288	-	-
Đầu tư dài hạn khác (****)	147.650.000	3.600.000	143.300.000	-
	388.075.056	2.156.532.288	3.062.244.316	3.631.480.466

(*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VND và có lãi suất trong năm dao động từ 4,9% đến 7% (2013: dao động từ 6% đến 8%) một năm.

(**) Chi tiết của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	1.209.140.528	1.209.140.528
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	1.239.100.008	879.022.859
Công ty Cổ phần Masan Agri (Thuyết minh 6(a))	-	1.104.947.070
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	-	438.370.009
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	470.703.780	-
	2.918.944.316	3.631.480.466

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2014, Công ty đã chuyển cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC"), một công ty con, cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage ("MSB"), một công ty con mới thành lập sở hữu bởi Công ty. Do kết quả từ giao dịch này, VHC trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư vào các công ty con tương đương 1.709.804 triệu VND (31/12/2013: 879.023 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(***) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000
Giá trị ghi sổ của lợi ích trong công ty liên kết	2.152.932.288	-	2.152.932.288
Lợi nhuận phát sinh sau ngày mua lại được chia từ công ty liên kết trong năm	73.608.418	-	73.608.418
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(80.000.000)	-	(80.000.000)
Thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	(2.146.540.706)	-	(2.146.540.706)
Mua công ty liên kết	-	240.425.056	240.425.056
	-	240.425.056	240.425.056

(****) Chi tiết của các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	144.050.000	-	143.300.000	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.600.000	3.600.000	-	-
	147.650.000	3.600.000	143.300.000	-

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VND và có lãi suất trong năm dao động từ 7,2% đến 7,7% một năm.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tập đoàn	Chi phí đất trả trước	Trực in	Công cụ và dụng cụ	Phi thu xếp	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	2.226.276	1.096.702	26.021.141	254.004.891	283.349.010
Tăng trong năm	-	4.674.535	8.001.971	-	12.676.506
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	2.861.423	-	2.861.423
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	32.199	-	32.199
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	16.429.090	-	16.429.090
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	5.710.058	-	5.710.058
Phân bổ trong năm	(55.178)	(3.246.507)	(23.346.686)	(98.628.213)	(125.276.584)
Thanh lý	-	(475.076)	(3.117.051)	-	(3.592.127)
Xóa sổ	-	-	(207.779)	-	(207.779)
Giảm từ thanh lý công ty con	-	(2.049.654)	(2.315.766)	-	(4.365.420)
Số dư cuối năm	2.171.098	-	30.068.600	155.376.678	187.616.376

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tập đoàn	Chi phí đất trả trước	Trực in	Công cụ và dụng cụ	Phi thu xếp	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	2.286.310	708.638	15.919.337	-	18.914.285
Tăng từ mua công ty con	-	-	6.075.067	-	6.075.067
Tăng trong năm	-	4.039.040	10.061.266	284.452.010	298.552.316
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	9.159.362	-	9.159.362
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	-	9.117.515	-	9.117.515
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình (*)	-	-	254.598	-	254.598
Phân bổ trong năm	(60.034)	(3.577.881)	(19.141.230)	(30.447.119)	(53.226.264)
Thanh lý	-	(73.095)	(270.030)	-	(343.125)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(5.154.744)	-	(5.154.744)
Số dư cuối năm	2.226.276	1.096.702	26.021.141	254.004.891	283.349.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty	Công cụ và dụng cụ VND'000
Số dư đầu năm	3.827.332
Tăng trong năm	2.017.269
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	32.199
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(739.024)
Phân bổ trong năm	(1.756.353)
Số dư cuối năm	3.381.423

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty	Công cụ và dụng cụ VND'000
Số dư đầu năm	341.919
Tăng trong năm	4.439.071
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	89.640
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (*)	2.005.338
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình (*)	224.406
Phân bổ trong năm	(877.885)
Thanh lý	(23.337)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.371.820)
Số dư cuối năm	3.827.332

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 10 và 11). Giá trị còn lại của các tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá 3 năm.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tập đoàn	31/12/2014		31/12/2013	
	Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	Thuế thu nhập hoàn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	Thuế thu nhập hoàn lại phải trả
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chiết khấu thương mại phải trả	12.770.215	-	8.891.123	-
Chi phí vận chuyển phải trả	19.116.227	-	9.485.966	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	71.916.135	-	57.986.503	-
Chi phí phải trả khác	9.980.605	-	9.755.069	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.701.186	-	1.453.493	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(13.826.495)	-	(15.954.321)
Tài sản cố định vô hình	-	(182.059.294)	-	(194.505.515)
Lãi dự thu	-	-	-	(190.235.080)
	117.484.368	(195.885.789)	87.572.154	(400.694.916)

Công ty	31/12/2014		31/12/2013	
	Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	Thuế thu nhập hoàn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	Thuế thu nhập hoàn lại phải trả
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chiết khấu thương mại phải trả	9.167.495	-	6.372.941	-
Chi phí vận chuyển phải trả	14.763.880	-	7.545.566	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	9.582.849	-	7.211.950	-
Chi phí phải trả khác	1.816.379	-	676.417	-
Lãi dự thu	-	-	-	(190.235.080)
	35.330.603	-	21.806.874	(190.235.080)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

16. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	2014 VND'000	2013 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	520.944.888	284.728.173
Tăng trong năm	-	236.216.715
Số dư cuối năm	520.944.888	520.944.888
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	83.825.561	36.095.998
Khấu hao trong năm	52.094.489	47.729.563
Số dư cuối năm	135.920.050	83.825.561
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	437.119.327	248.632.175
Số dư cuối năm	385.024.838	437.119.327

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Vay ngắn hạn	4.255.257.299	1.993.524.428	2.247.511.608	921.035.862
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	130.770.964	181.894.813	-	2.123.200.000
	4.386.028.263	2.175.419.241	2.247.511.608	3.044.235.862

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tập đoàn				Công ty	
	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Vay ngắn hạn						
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,0% - 6,0%	3.327.029.422	1.705.812.477	1.994.781.608	856.035.862
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3,8% - 6,2%	885.497.877	287.711.951	210.000.000	65.000.000
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3%	42.730.000	-	42.730.000	-
			4.255.257.299	1.993.524.428	2.247.511.608	921.035.862

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Công ty được đảm bảo bằng một số khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 1,25 triệu USD, tương đương 26.706 triệu VND (31/12/2013: 6,25 triệu USD, tương đương 131.750 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng một số khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 18 triệu USD, tương đương 384.570 triệu VND (31/12/2013: 165,5 triệu VND và 30,5 triệu USD tương đương 642.940 triệu VND) (Thuyết minh 8 và 9) và các tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 885.297 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 925.958 triệu VND) (Thuyết minh 10 và 11). Một phần các tài sản cố định này với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 885.745 triệu VND) cũng được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn và do đó cũng bao gồm trong giá trị tài sản đảm bảo được trình bày trong Thuyết minh 23.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Bao gồm trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Phải trả các công ty con				
Thương mại	-	-	1.915.365.559	2.377.378.755
Phải trả các công ty liên quan				
Thương mại	475.200	-	475.200	-
	475.200	-	1.915.840.759	2.377.378.755

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	78.676.854	91.543.423	13.996.169	21.943.076
Thuế xuất nhập khẩu	7.457.378	3.331.819	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	735.591.747	333.966.247	350.126.150	7.750.237
Thuế thu nhập cá nhân	4.301.813	10.981.652	3.439.210	9.918.369
Các loại thuế khác	928.303	1.602.501	-	-
	826.956.095	441.425.642	367.561.529	39.611.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	485.826.608	279.736.913	43.558.404	32.781.593
Chi phí vận chuyển	101.783.323	46.056.038	67.108.544	34.298.025
Thuởng và lương tháng 13	91.192.556	64.440.649	47.598.240	29.681.714
Chiết khấu bán hàng	70.621.800	49.652.696	41.670.433	28.967.911
Chi phí lãi vay	62.705.382	9.808.022	1.661.932	1.444.125
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24.222.794	6.112.613	11.793.531	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	10.401.483	16.252.333	1.104.040	73.071
Phí phát hành cổ phiếu	-	11.586.579	-	11.586.579
Chi phí khác	48.489.526	41.639.778	8.592.270	3.074.627
	895.243.472	525.285.621	223.087.394	141.907.645

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Khoản phải trả phi thương mại cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, công ty mẹ của công ty mẹ				
▪ Lãi tiền gửi phải trả	-	20.197.328	-	20.197.328
Khoản phải trả phi thương mại cho các công ty con				
▪ Phí duy trì khoản vay phải trả	-	-	-	211.030.852
▪ Lãi dự chi	-	-	-	142.225.315
Mua cổ phiếu của công ty con và công ty liên kết	239.180.200	43.396.598	-	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	5.688.550	3.642.061	3.948.023	2.495.457
Tiền ký quỹ ngắn hạn từ khách hàng	780.000	1.509.170	-	-
Các khoản phải trả khác	3.937.496	903.707	2.282.725	-
	249.586.246	69.648.864	6.230.748	375.948.952

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Khoản phải trả phi thương mại cho một công ty con				
▪ Lãi tiền gửi phải trả	-	-	135.132.041	-
Ký quỹ dài hạn	24.297.318	16.516.594	-	-
	24.297.318	16.516.594	135.132.041	-

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Vay dài hạn	4.015.512.496	4.079.279.473	2.874.312.072	2.123.200.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(130.770.964)	(181.894.813)	-	(2.123.200.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	3.884.741.532	3.897.384.660	2.874.312.072	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

				Tập đoàn		Công ty	
	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Vay dài hạn							
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	10% - 14,5%	2015-2017	276.637.496	390.279.473	-	-
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% - Libor + 4,5%	2016	3.738.875.000	3.689.000.000	-	-
▪ Khoản vay không đảm bảo	VND	12%	2016	-	-	2.874.312.072	2.123.200.000
				4.015.512.496	4.079.279.473	2.874.312.072	2.123.200.000

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn có gốc tiền tệ bằng VND với số tiền là 276.637 triệu VND (31/12/2013: 390.279 triệu VND) được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 885.745 triệu VND) (Thuyết minh 17).

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn có gốc tiền tệ bằng USD với số tiền là 175 triệu USD, tương đương 3.738.875 triệu VND (31/12/2013: 175 triệu USD, tương đương 3.689.000 triệu VND), được đảm bảo bằng các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage với giá trị ghi sổ là 1.709.804 triệu VND (31/12/2013: khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San với giá trị ghi sổ là 879.023 triệu VND) (Thuyết minh 13). Trong đó 150 triệu USD, tương đương 3.204.750 triệu VND được đảm bảo bởi Multilateral Investment Guarantee Agency ("MIGA"), một thành viên của Ngân hàng Thế giới (31/12/2013: khoản vay 150 triệu USD, tương đương 3.162.000 triệu VND). Khoản vay 150 triệu USD và 25 triệu USD chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR cộng 3,5% và LIBOR cộng 4,5%, nếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, công ty mẹ của công ty mẹ, nếu không thì chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR cộng 4,5% và LIBOR cộng 5,5%. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả một lần vào ngày đáo hạn hợp đồng, là ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Khoản vay không đảm bảo của Công ty có gốc tiền tệ bằng VND với số tiền 2.874.312 triệu VND (31/12/2013: 2.123.200 triệu VND) là khoản Công ty vay từ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, một công ty con. Khoản vay này chịu lãi suất trong năm là 12% (31/12/2013: 15%) một năm. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2016. Khoản lãi được hoàn trả vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

Trong năm, Tập đoàn và Công ty đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	5.025.000.000	3.111.514.809	(283.274.277)
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	248.359.100	1.976.541.586	-
Cổ tức	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của các công ty con	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày mua lại	-	-	-
Thanh lý cổ phần trong công ty con	-	-	44.665.311
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.273.359.100	5.088.056.395	(238.608.966)
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	39.904.120	-	-
Mua cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 25)	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của các công ty con	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Mua thêm cổ phần trong một công ty con (Thuyết minh 5(a))	-	-	1.575.942
Góp vốn vào một công ty con bởi cổ đông thiểu số	-	-	-
Thanh lý công ty con – giao dịch chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 6(a))	-	-	(32.295.333)
Thanh lý công ty con – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 6(b))	-	-	3.552.700
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.313.263.220	5.088.056.395	(265.775.657)

Cổ phiếu quỹ VND'000	Quỹ đầu tư và phát triển VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng vốn chủ sở hữu VND'000	Lợi ích cổ đồng thiểu số VND'000	Tổng cộng VND'000
-	18.324.741	4.407.232	2.728.678.626	10.604.651.131	804.673.919	11.409.325.050
-	-	-	-	2.224.900.686	-	2.224.900.686
-	-	-	-	-	(24.876.448)	(24.876.448)
-	-	-	(23.236.429)	(23.236.429)	(10.824.228)	(34.060.657)
-	-	-	(1.813.479)	(1.813.479)	(1.595.121)	(3.408.600)
-	-	-	3.095.773.602	3.095.773.602	174.558.661	3.270.332.263
-	-	-	-	-	116.144.174	116.144.174
-	-	-	-	44.665.311	1.017.196.587	1.061.861.898
-	18.324.741	4.407.232	5.799.402.320	15.944.940.822	2.075.277.544	18.020.218.366
-	-	-	-	39.904.120	-	39.904.120
(1.640.252.631)	-	-	-	(1.640.252.631)	-	(1.640.252.631)
-	-	-	(5.800.225.877)	(5.800.225.877)	(14.925.869)	(5.815.151.746)
-	-	-	(17.071.547)	(17.071.547)	(9.782.990)	(26.854.537)
-	-	-	(3.906.700)	(3.906.700)	(3.436.300)	(7.343.000)
-	-	-	3.267.259.785	3.267.259.785	157.665.928	3.424.925.713
-	-	-	-	1.575.942	(1.575.942)	-
-	-	-	-	-	17.676.230	17.676.230
-	-	-	-	(32.295.333)	(1.092.644.680)	(1.124.940.013)
-	-	-	-	3.552.700	-	3.552.700
(1.640.252.631)	18.324.741	4.407.232	3.245.457.981	11.763.481.281	1.128.253.921	12.891.735.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	5.025.000.000	3.111.514.809	-	2.787.673.319	10.924.188.128
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	248.359.100	1.976.541.586	-	-	2.224.900.686
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.964.722)	(5.964.722)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.931.089.314	2.931.089.314
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.273.359.100	5.088.056.395	-	5.712.797.911	16.074.213.406
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	39.904.120	-	-	-	39.904.120
Mua cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 25)	-	-	(1.640.252.631)	-	(1.640.252.631)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.317.109)	(1.317.109)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(5.800.225.877)	(5.800.225.877)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.829.306.147	2.829.306.147
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.313.263.220	5.088.056.395	(1.640.252.631)	2.740.561.072	11.501.628.056

25. VỐN CỔ PHẦN, THẶNG DU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	531.326.322	5.313.263.220	527.335.910	5.273.359.100
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631	-	-
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	513.326.322	5.133.263.220	527.335.910	5.273.359.100
Thặng dư vốn cổ phần	-	5.088.056.395	-	5.088.056.395

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	527.335.910	5.273.359.100	502.500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	3.990.412	39.904.120	24.835.910	248.359.100
Cổ phiếu quỹ đã mua trong năm	(18.000.000)	(180.000.000)	-	-
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	513.326.322	5.133.263.220	527.335.910	5.273.359.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

26. CỔ TỨC

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn và Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 5.800.226 triệu VND (2013: Không).

27. DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	13.239.430.149	12.014.693.738	10.053.404.365	9.723.216.036
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	89.032.835	91.295.268	84.000.000	84.052.825
	13.328.462.984	12.105.989.006	10.137.404.365	9.807.268.861
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Giảm giá hàng bán	(183.548.292)	(132.658.749)	(105.315.123)	(84.759.233)
▪ Hàng bán bị trả lại	(46.466.796)	(30.797.441)	(30.387.446)	(6.834.585)
	(230.015.088)	(163.456.190)	(135.702.569)	(91.593.818)
Doanh thu thuần	13.098.447.896	11.942.532.816	10.001.701.796	9.715.675.043

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	7.262.345.545	6.908.667.024	9.092.416.875	8.839.766.342
▪ Dịch vụ đã cung cấp	687.697	1.285.628	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	63.944.159	33.243.369	249.776	-
	7.326.977.401	6.943.196.021	9.092.666.651	8.839.766.342

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	329.748.123	309.243.709	209.559.031	259.329.660
Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	-	3.287.967	120.679.890
Thu nhập lãi từ khoản cho công ty mẹ vay	1.024.339.584	-	1.024.339.584	-
Thu nhập lãi từ khoản cho công ty mẹ của công ty mẹ vay	220.086.980	903.165.636	220.086.980	903.165.636
Tiền thu và thu nhập liên quan từ thanh lý các công ty con	569.995.824	-	141.548.524	-
Phí duy trì khoản cho vay công ty mẹ của công ty mẹ	2.894.240	278.673.412	2.894.240	278.673.412
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu từ công ty con	-	-	132.718	5.423.453
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	-	-	2.059.911.025	2.057.677.703
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.936.129	49.750.606	534.905	763.753
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	16.772.216	-	-	-
Lợi thế thương mại âm từ việc mua lại một công ty con	-	213.962.708	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	587.416	913.928	-	246.068
	2.171.360.512	1.755.709.999	3.662.294.974	3.625.959.575

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	374.715.065	383.139.374	56.468.079	35.074.889
Chi phí lãi vay từ một công ty con	-	-	323.105.196	142.225.315
Chi phí duy trì khoản vay phải trả một công ty con	-	-	37.088.788	211.030.852
Thu nhập lãi tiền gửi phải trả cho công ty mẹ của công ty mẹ	1.123	5.614.362	1.123	5.614.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.662.397	34.185.750	130.976	65.208
Thuế nhà thầu trên chi phí lãi vay và phí gia hạn khoản vay	17.006.171	14.424.323	-	-
Lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	48.368.322	-	-	-
Chi phí tài chính khác	335.478	257.383	263.355	217
	511.088.556	437.621.192	417.057.517	394.010.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

31. THU NHẬP KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.644.502	1.572.599	359.858	3.901.078
Thu từ bán phế liệu	28.361.190	29.589.383	2.778.640	914.343
Thuế nhập khẩu hoàn lại	9.107.042	19.289.452	-	-
Thu nhập khác	17.150.408	3.417.160	9.797.431	1.201.617
	59.263.142	53.868.594	12.935.929	6.017.038

32. CHI PHÍ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và xóa sổ	13.120.966	9.094.155	395.843	3.847.831
Giá trị còn lại của chi phí trả trước dài hạn đã thanh lý và xóa sổ	3.799.906	343.125	-	23.337
Chi phí bán phế liệu	23.967.051	25.089.212	2.559.778	863.600
Chi phí khác	12.489.822	7.008.255	9.186.197	406.644
	53.377.745	41.534.747	12.141.818	5.141.412

33. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	968.512.192	587.185.168	391.791.038	106.972.797
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(4.497.854)	(19.571.166)	-	363.248
	964.014.338	567.614.002	391.791.038	107.336.045
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(221.358.159)	121.713.348	(180.930.599)	186.623.635
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(13.507.941)	4.696.016	(22.828.210)	2.973.664
	(234.866.100)	126.409.364	(203.758.809)	189.597.299
Chi phí thuế thu nhập	729.148.238	694.023.366	188.032.229	296.933.344

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn	2014		2013	
	%	VND'000	%	VND'000
Lợi nhuận trước thuế		4.154.073.951		3.964.355.629
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	913.896.269	25,00%	991.088.907
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(4,44%)	(184.245.962)	(6,88%)	(272.910.822)
Ảnh hưởng của lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và lợi thế thương mại âm	(0,39%)	(16.193.852)	(2,50%)	(99.244.725)
Ảnh hưởng của khấu hao lợi thế thương mại và giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	0,77%	31.918.044	0,76%	30.048.759
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,04%	1.245.101	1,50%	59.916.397
Dự phòng thừa trong những năm trước	(0,11%)	(4.497.854)	(0,49%)	(19.571.166)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(0,33%)	(13.507.941)	0,12%	4.696.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	0,01%	534.433	0,00%	-
	17,55%	729.148.238	17,51%	694.023.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty	2014		2013	
	%	VND'000	%	VND'000
Lợi nhuận trước thuế (*)		3.017.338.376		3.228.022.658
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	663.814.443	25,00%	807.005.665
Thu nhập không bị tính thuế	(15,02%)	(453.180.426)	(15,94%)	(514.419.426)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,01%	226.422	0,03%	1.010.193
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,00%	-	0,02%	363.248
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(0,76%)	(22.828.210)	0,09%	2.973.664
	6,23%	188.032.229	9,20%	296.933.344

- (*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm khoản thu nhập từ cổ tức không chịu thuế là 2.059.911 triệu VND (2013: 2.057.678 triệu VND).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2014 và 2015 và 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi, và miễn, giảm thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông là 3.267.260 triệu VND (2013: 3.095.774 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 529.445.672 (2013: 524.847.751) cổ phiếu, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Tập đoàn	
	2014 VND'000	2013 VND'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.267.259.785	3.095.773.602

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Tập đoàn	
	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	527.335.910	502.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	2.208.392	22.347.751
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua trong năm	(98.630)	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	529.445.672	524.847.751

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Tập đoàn	
	2014 VND	2013 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.171	5.898

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có các cổ phiếu bị suy giảm tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2013: lãi suy giảm trên cổ phiếu là 5.669 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

35. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và các giao dịch với các bên liên quan được trình bày trong thuyết minh khác trong các báo cáo tài chính này, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Mối quan hệ

Tính chất giao dịch

Công ty mẹ của công ty mẹ

Công ty Cổ phần
Tập đoàn Ma San

Thu nhập lãi phải thu
Phí duy trì khoản vay phải thu
Thu nhập lãi tiền gửi phải trả
Khoản cho vay đã cấp
Thu nhập liên quan từ thanh lý một công ty con
Thu từ thanh lý một công ty con
Cổ tức đã công bố
Tiền thu hồi các khoản vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả
Tiền thu hồi các khoản vay, thu nhập từ cho vay và phí duy trì các khoản vay thông qua việc chuyển nhượng các khoản vay cho Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings

Tập đoàn

Mối quan hệ

Tính chất giao dịch

Công ty mẹ

Công ty TNHH Một Thành viên
MasanConsumerHoldings

Khoản cho vay đã cấp
Tiền thu hồi các khoản cho vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả
Thu hồi khoản cho vay bằng tiền mặt
Thu nhập lãi từ khoản cho vay
Thu hồi thu nhập lãi từ khoản cho vay bằng tiền mặt
Cổ tức đã công bố

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Việt Pháp
Sản xuất Thức ăn Gia Súc (***)

Thu nhập cổ tức

Thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được nhận bất cứ khoản phí hội họp nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
2014 VND'000	2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
220.086.980	903.165.635	-	1.867.585.760
2.894.240	278.673.412	-	761.256.494
1.123	5.614.362	-	(20.197.328)
735.000.000	4.410.000.000	-	8.410.000.000
141.548.525	-	-	-
1.104.947.070	-	-	-
1.240.800.000	-	-	-
1.435.701.850	-	-	-
10.540.923.173	-	-	-

Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
2014 VND'000	2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
10.540.923.173	-	9.619.772.870	-
672.827.396	-	-	-
248.322.907	-	-	-
1.024.339.584	-	18.975.990	-
1.005.363.594	-	-	-
3.269.521.981	-	-	-
80.000.000	-	-	-
24.878.569	12.813.704	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty

Mối quan hệ

Tính chất giao dịch

Công ty mẹ của công ty mẹ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	Thu nhập lãi phải thu
	Phí duy trì khoản vay phải thu
	Thu nhập lãi tiền gửi phải trả
	Khoản cho vay đã cấp
	Thu nhập liên quan từ thanh lý một công ty con
	Thu từ thanh lý một công ty con
	Cổ tức đã công bố
	Tiền thu hồi khoản cho vay thông qua cản trừ với cổ tức phải trả
	Tiền thu hồi các khoản vay, thu nhập từ cho vay và phí duy trì các khoản vay thông qua việc chuyển nhượng các khoản vay cho Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings

Công ty mẹ

Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp
	Tiền thu hồi các khoản cho vay thông qua cản trừ với cổ tức phải trả
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền mặt
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay
	Thu hồi thu nhập lãi từ khoản cho vay bằng tiền mặt
	Cổ tức đã công bố

Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
2014 VND'000	2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
220.086.980	903.165.635	-	1.867.585.760
2.894.240	278.673.412	-	761.256.494
1.123	5.614.362	-	(20.197.328)
735.000.000	4.410.000.000	-	8.410.000.000
141.548.525	-	-	-
1.104.947.070	-	-	-
1.240.800.000	-	-	-
1.435.701.850	-	-	-
10.540.923.173	-	-	-
10.540.923.173	-	9.619.772.870	-
672.827.396	-	-	-
248.322.907	-	-	-
1.024.339.584	-	18.975.990	-
1.005.363.594	-	-	-
3.269.521.981	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty

Mối quan hệ

Tính chất giao dịch

Các công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên
Thực phẩm Ma San

Thu nhập cổ tức (*)
Chi hộ

Công ty TNHH Một Thành viên
Bảo bì Minh Việt (**)

Bán hàng hóa
Thu nhập cổ tức (*)

Công ty TNHH Một Thành viên
Công nghiệp Ma San

Bán hương liệu và phí trộn hương liệu
Bán phế liệu

Mua hàng hóa

Bán tài sản cố định

Phí duy trì khoản vay

Chi phí lãi vay

Khoản cho vay đã nhận

Thanh toán khoản cho vay

Chuyển thu nhập lãi, chi phí lãi vay và phí duy trì khoản vay vào nợ gốc vay

Thu nhập lãi phải thu

Thu nhập cổ tức (*)

Công ty TNHH Một Thành viên
Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến

Mua hàng hóa

Bán hương liệu và phí trộn hương liệu

Bán tài sản cố định

Thu nhập cổ tức (*)

Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
2014 VND'000	2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
2.042.941.932	2.029.395.880	210.000.000	-
-	-	-	280
-	29.237	-	7.460
-	-	-	37.810.984
302.327.335	305.775.218	-	-
-	578.761	-	-
5.591.232.441	5.589.127.871	(962.560.656)	(1.195.860.958)
359.858	2.179.450	-	-
37.088.788	211.030.852	-	(211.030.852)
331.455.329	142.225.315	(135.132.041)	(142.225.315)
254.000.000	2.123.200.000	(2.874.312.072)	(2.123.200.000)
84.000.000	-	-	-
581.112.072	-	-	-
132.719	5.423.453	-	5.423.453
-	-	1.154.782.800	1.389.341.801
1.144.477.071	1.091.431.497	(510.278.394)	(549.534.491)
21.278.453	17.133.672	-	-
-	1.154.134	-	-
-	-	364.868.909	414.447.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty

Mối quan hệ

Tính chất giao dịch

Công ty TNHH Một Thành viên
Ma San HD

Bán hương liệu và phí trộn hương liệu
Thu phí quản lý và phí dịch vụ
Mua hàng hóa
Bán tài sản cố định
Thu nhập cổ tức (*)

Công ty Cổ phần Ma San PQ

Bán hàng hóa

Công ty Cổ phần Vinacafe
Biên Hòa

Bán hàng hóa
Mua hàng hóa
Chi phí phải thu
Thu nhập cổ tức

Công ty Cổ phần Masan Agri

Thu nhập lãi phải thu

Công ty Cổ phần Nước khoáng
Vĩnh Hảo

Mua hàng hóa
Bán hàng hóa
Khoản cho vay đã cấp
Thu nhập lãi phải thu

Thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (****)

(*) Vào ngày 30 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Chủ tịch của Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Minh Việt, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD, các công ty con của Công ty, đã quyết định phân phối lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các công ty con cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San ("MSF") số tiền là 2.042.942 triệu VND. Cùng ngày, Chủ tịch của MSF quyết định chia toàn bộ cổ tức nhận được từ các công ty con cho Công ty và hướng dẫn các công ty con trả cổ tức trực tiếp cho Công ty thay vì cho MSF, trừ khoản cổ tức trị giá 210.000 triệu VND từ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (31/12/2013: khoản cổ tức tương đương 2.029.396 triệu VND đã được phân phối cho MSF và Chủ tịch của MSF đã quyết định phân phối cổ tức với cùng số

Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
2014 VND'000	2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
31.125.303	40.714.711	-	-
-	52.825	-	-
2.005.187.050	1.842.808.529	(442.518.678)	(631.774.706)
23.120	478.105	-	-
-	-	270.786.234	187.795.296
4.525	6.036	-	1.009
3.569.451	817.219	102.933	-
152.730	-	-	-
126.671.916	33.568.800	54.655.987	19.016.654
16.969.093	28.281.823	-	-
-	120.679.890	-	-
648.155	189.636	(7.831)	(208.600)
16.824.709	-	-	-
50.000.000	-	50.000.000	-
3.287.967	-	3.287.967	-
24.878.569	12.813.704	-	-

tiền trên cho Công ty và hướng dẫn các công ty con trả cổ tức trực tiếp cho Công ty thay vì cho MSF).

- (**) Trong tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Minh Việt ("MVP"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San, được bán cho một bên thứ ba. Do kết quả từ giao dịch này, MVP không còn là công ty liên quan của Tập đoàn và Công ty. Do đó, các giao dịch giữa Tập đoàn và Công ty với MVP trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các số dư cho năm kết thúc cùng ngày không được trình bày là giao dịch và số dư với các bên liên quan.
- (***) Vào ngày 28 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Masan Agri ("MSA"), một công ty con, công ty này nắm giữ 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc ("Proconco"), một công ty liên kết, được bán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San ("MSN"), công ty mẹ của công ty mẹ. Sau đó, MSA đã được bán cho các bên thứ ba. Do kết quả từ giao dịch này, Proconco không còn là công ty liên quan của Tập đoàn và Công ty.
- (****) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được nhận bất cứ khoản phí hội họp nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

36. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.805.749.181	486.732.452	1.427.862.296	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	356.120.776	853.365.759	65.387.607	-
	2.161.869.957	1.340.098.211	1.493.249.903	-

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Trong vòng một năm	53.592.519	73.833.684	38.299.858	62.031.946
Trong vòng hai đến năm năm	41.056.620	32.838.253	37.290.343	29.826.253
	94.649.139	106.671.937	75.590.201	91.858.199

(c) Phí quyền khai thác

(i) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được Giấy phép mới khai thác nước khoáng từ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ theo Giấy phép mới này, VHC được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 49.433 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp trong 30 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2015. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, VHC vẫn chưa nhận được thông báo nào từ cơ quan thuế địa phương.

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha ("Kronfa"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được thông báo nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ cơ quan thuế địa phương. Căn cứ theo thông báo này, Kronfa được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 23.684 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp đến ngày 31 tháng 12 năm 2032.

37. QUẢN LÝ RỦI RO

Tập đoàn và Công ty phải đối mặt với các rủi ro sau phát sinh từ các công cụ tài chính sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Tập đoàn và Công ty nếu một khách hàng hoặc một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác của Tập đoàn và Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn và Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	3.594.688.653	4.165.441.588	1.647.232.772	2.239.935.638
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(ii)	3.717.598.214	3.287.000.000	2.337.900.000	3.017.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	(iii)	835.758.366	3.366.532.347	2.317.622.885	5.378.592.797
Các khoản phải thu dài hạn	(iii)	9.643.460.930	8.012.160.445	9.696.730.897	8.012.160.445
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	144.050.000	-	143.300.000	-
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iv)	65.883.800	-	1.398.131.614	452.652.117
		18.001.439.963	18.831.134.380	17.540.918.168	19.100.940.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác của Tập đoàn và Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn và Công ty.

(iii) Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn và Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, thu nhập lãi tiền gửi phải thu từ các công ty liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn và Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn và Công ty thường giao dịch với khách hàng theo phương thức thanh toán tiền ngay khi giao hàng. Đối với những trường hợp khách hàng được mua trả chậm, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản tín dụng. Các khoản phải thu khách hàng không bị quá hạn hay giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng mà Tập đoàn và Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập lãi tiền gửi phải thu và cổ tức phải thu từ các công ty liên quan được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Tập đoàn và Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn và Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Tập đoàn và Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Trong hạn	10.433.308.540	11.358.554.003	11.987.964.343	13.381.955.118
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	37.313.447	16.472.238	23.114.244	7.974.165
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	6.989.692	2.715.783	3.275.195	792.959
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	536.625	793.834	-	31.000
Quá hạn trên 365 ngày	1.070.992	156.934	-	-
	10.479.219.296	11.378.692.792	12.014.353.782	13.390.753.242

(iv) Hợp đồng bảo lãnh

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính do Tập đoàn phát hành cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Minh Việt (“MVP”) và các công ty con của Công ty bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD. Rủi ro này phản ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để giảm thiểu rủi ro, Ban Giám đốc tiếp tục giám sát hoạt động của các công ty con.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn và Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.

Thông thường, Tập đoàn và Công ty đảm bảo đủ lượng tiền mặt để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh dự kiến, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; nhưng không bao gồm các ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến không lường trước được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Vay ngắn hạn	4.255.257.299	4.279.475.480	4.279.475.480	-	-
Phải trả người bán	550.485.687	550.485.687	550.485.687	-	-
Phải trả người lao động	252.649	252.649	252.649	-	-
Chi phí phải trả	895.243.472	895.243.472	895.243.472	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	249.586.246	249.586.246	249.586.246	-	-
Phải trả dài hạn khác	24.297.318	24.297.318	-	24.297.318	-
Vay dài hạn	4.015.512.496	4.560.683.962	333.912.062	4.108.261.630	118.510.270
	9.990.635.167	10.560.024.814	6.308.955.596	4.132.558.948	118.510.270

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	1.993.524.428	2.021.350.728	2.021.350.728	-	-
Phải trả người bán	595.598.790	595.598.790	595.598.790	-	-
Phải trả người lao động	20.367.724	20.367.724	20.367.724	-	-
Chi phí phải trả	525.285.621	525.285.621	525.285.621	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.648.864	69.648.864	69.648.864	-	-
Phải trả dài hạn khác	16.516.594	16.516.594	-	16.516.594	-
Vay dài hạn	4.079.279.473	4.808.329.255	398.260.041	338.331.526	4.071.737.688
	7.300.221.494	8.057.097.576	3.630.511.768	354.848.120	4.071.737.688

Công ty	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Vay ngắn hạn	2.247.511.608	2.260.222.787	2.260.222.787	-	-
Phải trả người bán	2.028.927.617	2.028.927.617	2.028.927.617	-	-
Phải trả người lao động	13.693	13.693	13.693	-	-
Chi phí phải trả	223.087.394	223.087.394	223.087.394	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.230.748	6.230.748	6.230.748	-	-
Phải trả dài hạn khác	135.132.041	135.132.041	-	135.132.041	-
Vay dài hạn	2.874.312.072	3.362.866.376	344.917.449	3.017.948.927	-
	7.515.215.173	8.016.480.656	4.863.399.688	3.153.080.968	-

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	921.035.862	936.821.725	936.821.725	-	-
Phải trả người bán	2.491.154.083	2.491.154.083	2.491.154.083	-	-
Phải trả người lao động	6.678	6.678	6.678	-	-
Chi phí phải trả	141.907.645	141.907.645	141.907.645	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	375.948.952	375.948.952	375.948.952	-	-
Vay dài hạn	2.123.200.000	2.323.013.479	2.323.013.479	-	-
	6.053.253.220	6.268.852.562	6.268.852.562	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các đơn vị của Tập đoàn và Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và đồng Euro (EUR).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn và Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

31/12/2014	Tập đoàn		Công ty
	EUR	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.149	5.862.492	868
Phải thu khách hàng	-	973.434	-
Phải trả người bán	(2.997.203)	(1.854.680)	(9.313)
Chi phí phải trả	-	(2.631.637)	-
Vay ngắn hạn	-	(2.000.000)	(2.000.000)
Vay dài hạn	-	(175.000.000)	-
	(2.818.054)	(174.650.391)	(2.008.445)

31/12/2013	Tập đoàn		Công ty
	EUR	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.547	25.569.950	208.391
Phải thu khách hàng	-	1.116.984	57.780
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	141.913.397	141.913.397
Phải trả người bán	-	(800.279)	(112.644)
Chi phí phải trả	-	(294.668)	-
Phải trả dài hạn khác	-	(958.127)	(10.969.079)
Vay dài hạn	-	(175.000.000)	-
	7.547	(8.452.743)	131.097.845

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn và Công ty áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.365	21.080	21.365	21.080
1 EUR	25.702	28.890	N/A	N/A

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế	
	Tập đoàn VND'000	Công ty VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	(30.765.439)	(334.701)
EUR (yếu đi 11%) – tăng lợi nhuận thuần sau thuế	6.569.005	-
	(24.196.434)	(334.701)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
USD (mạnh thêm 1%) – (giảm)/tăng lợi nhuận thuần sau thuế	(1.469.838)	25.092.967
EUR (mạnh thêm 5%) – tăng lợi nhuận thuần sau thuế	8.993	-
	(1.460.845)	25.092.967

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn và Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền	3.400.035.142	4.127.537.944	1.634.500.000	2.233.700.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.717.598.214	3.287.000.000	2.337.900.000	3.017.600.000
Đầu tư dài hạn khác	144.050.000	-	143.300.000	-
Khoản vay ngắn hạn cấp cho công ty mẹ	-	2.123.200.000	-	2.123.200.000
Phí duy trì khoản vay và lãi dự thu từ công ty mẹ – ngắn hạn	-	903.481.809	-	903.481.809
Khoản vay dài hạn cấp cho công ty mẹ	9.619.772.870	6.286.800.000	9.619.772.870	6.286.800.000
Phí duy trì khoản vay và lãi dự thu từ công ty mẹ – dài hạn	18.975.990	1.725.360.445	18.975.990	1.725.360.445
Khoản vay dài hạn cấp cho các công ty con	-	-	50.000.000	-
Khoản vay dài hạn từ các công ty con	-	-	(2.874.312.072)	(2.123.200.000)
Vay ngắn hạn	(3.529.014.071)	(1.446.817.077)	(2.247.511.608)	(898.000.000)
	13.371.418.145	17.006.563.121	8.682.625.180	13.268.942.254
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng	194.653.511	37.903.644	12.732.772	6.235.638
Vay ngắn hạn	(726.243.228)	(546.707.351)	-	(23.035.862)
Vay dài hạn	(4.015.512.496)	(4.079.279.473)	-	-
	(4.547.102.213)	(4.588.083.180)	12.732.772	(16.800.224)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Việc tăng 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn là 37.491 triệu VND và tăng lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty là 99 triệu VND (31/12/2013: giảm lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và của Công ty lần lượt là 49.613 triệu VND và 126 triệu VND).

(d) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Tập đoàn	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng (*)	194.653.511	37.903.644
▪ Các khoản tương đương tiền (*)	3.400.035.142	4.127.537.944
▪ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	3.717.598.214	3.287.000.000
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn (*)	835.758.366	3.366.532.347
▪ Các khoản phải thu dài hạn (*)	9.643.460.930	8.012.160.445
▪ Đầu tư dài hạn khác (*)	144.050.000	-
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>		
▪ Hợp đồng bảo lãnh tài chính nhận được (**)	-	-
	17.935.556.163	18.831.134.380
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Vay ngắn hạn (*)	4.255.257.299	1.993.524.428
▪ Phải trả người bán (*)	550.485.687	595.598.790
▪ Phải trả người lao động (*)	252.649	20.367.724
▪ Chi phí phải trả (*)	895.243.472	525.285.621
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác (*)	249.586.246	69.648.864
▪ Phải trả dài hạn khác (*)	24.297.318	16.516.594
▪ Vay dài hạn (*)	4.015.512.496	4.079.279.473
	9.990.635.167	7.300.221.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09/DN-HN

Công ty	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng (*)	12.732.772	6.235.638
▪ Các khoản tương đương tiền (*)	1.634.500.000	2.233.700.000
▪ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	2.337.900.000	3.017.600.000
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	2.317.622.885	5.378.592.797
▪ Các khoản phải thu dài hạn (*)	9.696.730.897	8.012.160.445
▪ Đầu tư dài hạn khác (*)	143.300.000	-
	16.142.786.554	18.648.288.880
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Vay ngắn hạn (*)	2.247.511.608	921.035.862
▪ Phải trả người bán (*)	2.028.927.617	2.491.154.083
▪ Phải trả người lao động (*)	13.693	6.678
▪ Chi phí phải trả (*)	223.087.394	141.907.645
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác (*)	6.230.748	375.948.952
▪ Phải trả dài hạn khác (*)	135.132.041	-
▪ Vay dài hạn (*)	2.874.312.072	2.123.200.000
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>		
▪ Hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành (**)	-	-
	7.515.215.173	6.053.253.220

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- (**) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã nhận được và phát hành được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Giá trị hợp lý của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã nhận được và phát hành chưa được xác định bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam doanh nghiệp hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(i) Tái cấu trúc

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2015, Công ty đã chuyển cổ phần trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa ("VCF") sang Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage ("MSB"). Dẫn đến VCF trở thành công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB.

(ii) Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San ("MSF") Công ty đã hoàn tất việc mua lại 99,99% cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn ("SNF") với số tiền 200.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến SNF trở thành một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF.

Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1996

2000

2003

2004

2006

2007

2008

- Ngày 20/06/1996: thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp – Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến, chuyên sản xuất thực phẩm chế biến và các sản phẩm ngành gia vị.
- Ngày 31/05/2000: thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.
- Ngày 01/08/2003: Công ty Cổ phần Công nghiệp – Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến sáp nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Ma San (“Công ty”), với tổng vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.
- Ngày 14/06/2004, Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/07/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 72.250.000.000 đồng.
- Ngày 14/09/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 85.000.000.000 đồng.
- Ngày 28/02/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên 113.395.360.000 đồng.
- Ngày 25/12/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên 138.395.360.000 đồng.
- Ngày 10/05/2008, Công ty tăng vốn điều lệ lên 257.191.230.000 đồng.
- Ngày 11/12/2008, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.
- Ngày 11/06/2009, Công ty tăng vốn điều lệ lên 630.000.000.000 đồng.
- Ngày 01/07/2009, Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính) và sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hóa chất cơ bản).
- Ngày 22/12/2009, Công ty thay đổi trụ sở đến Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



1996 ~ 2015

2009

2010

2011

2012

2013

2014

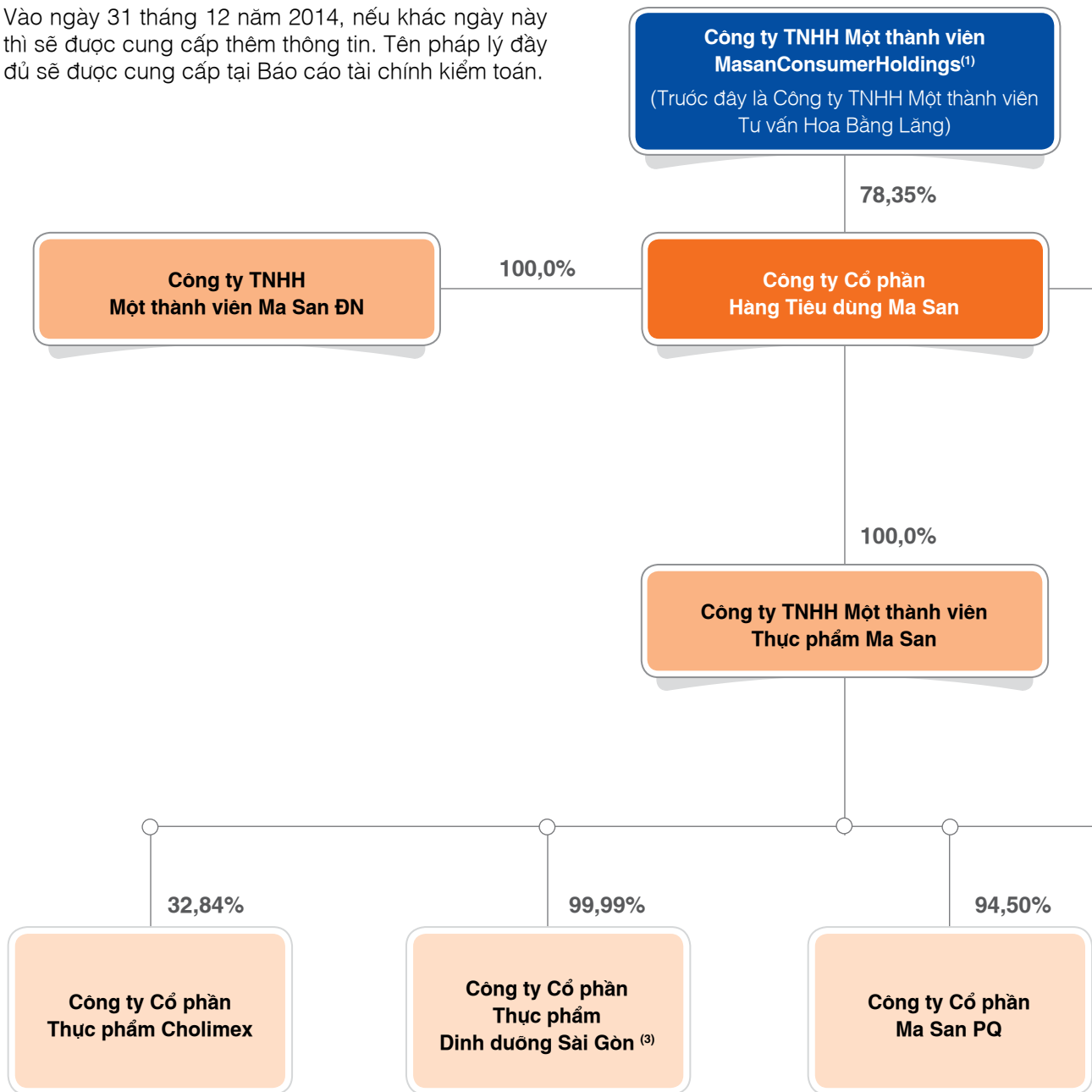
2015

- Ngày 29/09/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.300.000.000.000 đồng.
- Ngày 09/03/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San.
- Ngày 15/04/2011, Công ty Phát hành cổ phiếu phổ thông cho KKR tương đương 10% vốn điều lệ sau phát hành.
- Ngày 20/7/2011, Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.500.000.000.000 đồng.
- Ngày 17/10/2011 và ngày 04/11/2011, Công ty mua 50,25% cổ phần Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.
- Ngày 08/06/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.025.000.000.000 đồng.
- Tháng 12/2012, Công ty mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 53,20%.
- Ngày 01/02/2013, Công ty mua thành công 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- Ngày 06/02/2013, Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.253.409.090.000 đồng, phát hành thêm cho Cổ đông chiến lược KKR tương đương 4,35% vốn điều lệ sau khi phát hành, nâng tổng số cổ phiếu sở hữu của KKR lên 18,04%.
- Tháng 03/2013, Công ty mua 38,61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 63,51%.
- Ngày 01/7/2013, Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.273.359.100.000 đồng.
- Ngày 27/6/2014, Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.313.263.220.000 đồng.
- Ngày 30/12/2014, Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Ma San – Công ty con của Công ty chào mua thành công 32,84% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.
- Ngày 14/01/2015, Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Ma San – Công ty con của Công ty mua 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Cấu trúc tập đoàn

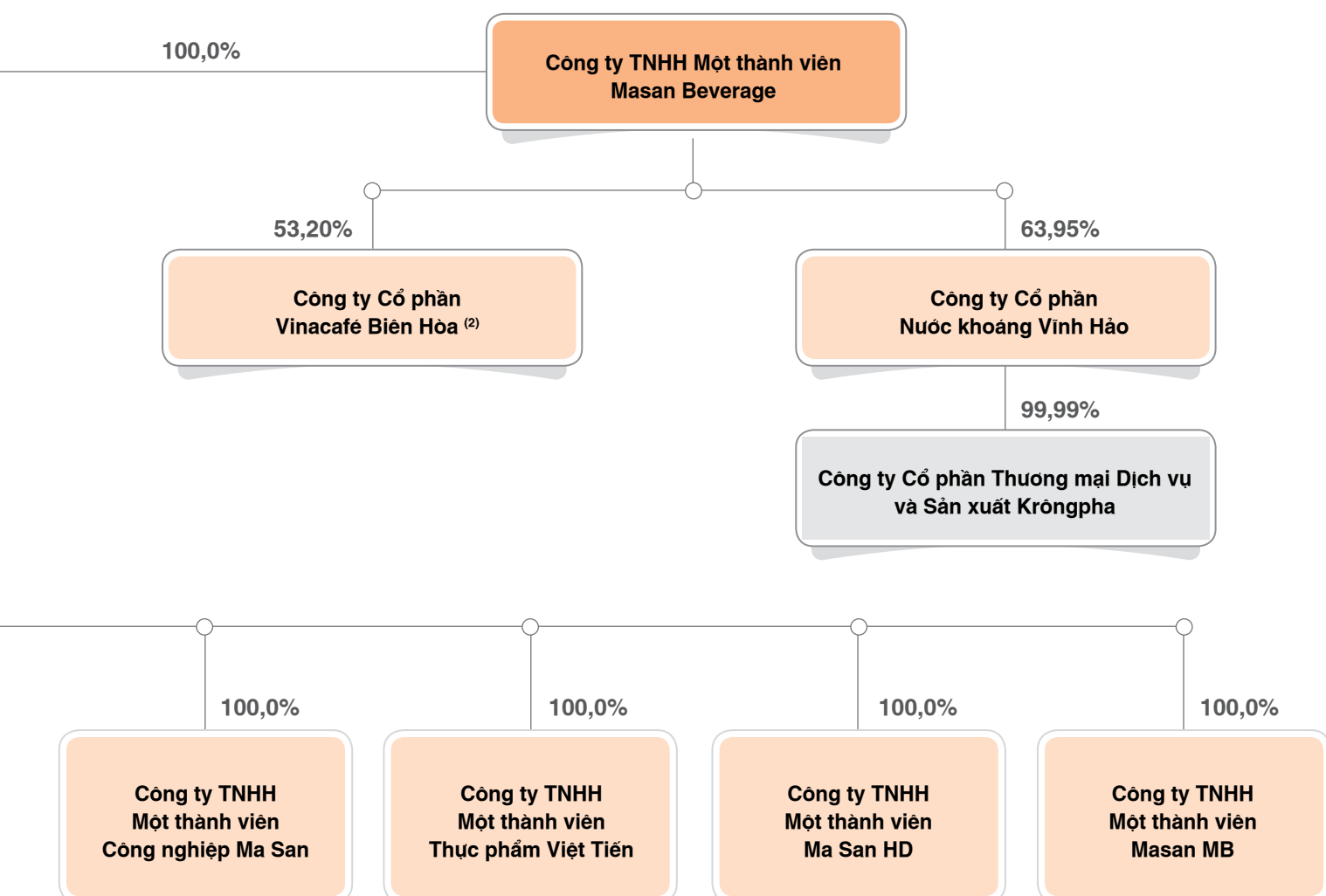
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu khác ngày này thì sẽ được cung cấp thêm thông tin. Tên pháp lý đầy đủ sẽ được cung cấp tại Báo cáo tài chính kiểm toán.



1. Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2014.

2. Cơ cấu thay đổi sở hữu từ Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San sang Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage từ ngày 05/02/2015.

3. Bắt đầu trở thành công ty con từ ngày 14/01/2015.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị



- Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Nguyễn Đăng Quang
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Seokhee Won
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Nguyễn Thiều Quang
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Stephen W. Golsby
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1954
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Hồ Hùng Anh
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yến
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Ủy viên Hội đồng Quản trị**
Họ và tên: Lu Ming
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn: Đại học

Ban Kiểm soát



- Trưởng Ban Kiểm soát**
Họ và tên: Nguyễn Quỳnh Lâm
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Kiểm soát viên**
Họ và tên: Đỗ Thị Hoàng Yến
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Đại học
- Kiểm soát viên**
Họ và tên: Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ban Giám đốc



Ông Seokhee Won	- Tổng Giám đốc (từ ngày 14/05/2014)
Ông Trương Công Thắng	- Tổng Giám đốc (đến ngày 10/2/2014)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	- Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 13/02/2014)
Ông Nguyễn Anh Nguyên	- Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25/02/2015)
• Ông Keir John Steinke	- Trưởng bộ phận R&D

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Cơ cấu lao động

Trong năm 2014, Công ty đã tuyển dụng và bổ nhiệm thêm 40 nhân viên chủ chốt (từ ngạch 3 trở lên), đặc biệt tập trung vào mảng đồ uống với các bộ phận marketing, bán hàng, IT và R&D, từng bước hoàn chỉnh Bộ máy tổ chức của Công ty. Ngoài ra, bộ phận nhân sự cũng đã bước được những bước tiến sau đây:

- Xây dựng mô hình “HR chuyên môn và HR phụ trách riêng cho từng bộ phận phòng ban” và đội ngũ nhân sự thực sự hiểu biết và chia sẻ cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và áp dụng mô hình “Năng lực cơ bản” đồng nhất trong các hoạt động tuyển dụng, đánh giá năng lực, hiệu quả công việc và phát triển nhân viên.
- Xây dựng và áp dụng quy trình “Đánh giá hiệu quả công việc” đồng nhất trong tất cả các doanh nghiệp của Masan Consumer. Đã có 1.224 nhân viên trong toàn MSC tham gia hoạt động “Đánh giá hiệu quả công việc” trong năm 2014 vừa qua.
- Tiến hành các hoạt động thu hút nhân tài từ bên ngoài. Trong năm 2014, Masan Consumer đã tuyển mới 448 nhân viên; trong đó có 40 nhân viên ở cấp quản lý từ các doanh nghiệp nổi tiếng khác trong thị trường (kể cả đa quốc gia và trong

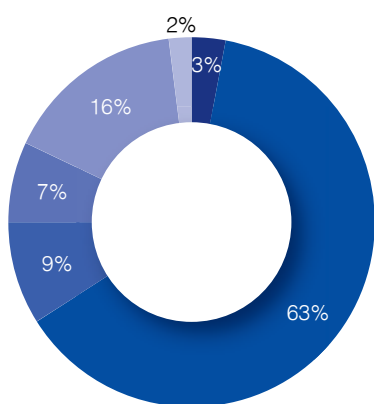
nước). Trong năm 2014, Công ty cũng bắt đầu tiến hành chương trình “Doanh nhân trẻ Masan” bằng việc tuyển dụng 17 nhân viên trẻ, có tiềm năng cao để đào tạo và phát triển cho đội ngũ lãnh đạo trong tương lai.

- Tiến hành việc đánh giá đội ngũ nhân viên và tìm ra hơn 180 nhân tài nội bộ. Công ty đã thiết kế chương trình đào tạo, phát triển và nuôi dưỡng đội ngũ nhân tài này để đảm bảo việc đào tạo đội ngũ kế cận và kế hoạch kế thừa cho các vị trí trọng yếu.
- Tiến hành các hoạt động đẩy mạnh việc giao tiếp 2 chiều giữa Công ty và nhân viên: các buổi họp quý và các hoạt động giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức. Công ty cũng sắp tiến hành hoạt động chính thức lấy ý kiến đóng góp của nhân viên (sẽ được tiến hành hàng năm), qua đó đẩy mạnh hơn nữa việc giao lưu và chia sẻ thông tin, đặc biệt ở các vùng xa văn phòng chính.

Tính đến hết ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San có 1.339 cán bộ nhân viên, gồm 781 nam (58%) và 558 nữ (42%) và đội ngũ này được đào tạo bài bản và có trình độ chuyên môn cao.

Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San phân theo trình độ như sau:

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- PTTH
- PTCS

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	35	3%
Đại học	837	63%
Cao đẳng	124	9%
Trung cấp	99	7%
PTTH	217	16%
PTCS	27	2%
Tổng cộng	1.339	100%

Ghi chú: Tỷ lệ nhân viên có trình độ học vấn từ Trung cấp trở xuống phần lớn bao gồm lao động trực tiếp của các kho hàng, nhân viên giới thiệu sản phẩm, lái xe, tạp vụ.

Chính sách đối với người lao động



Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 44 giờ một tuần, nghỉ trưa một giờ. Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 10 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc đủ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm.

Điều kiện làm việc: Văn phòng Công ty thoáng mát, Công ty đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Đảm bảo việc làm cho người lao động: Để giải quyết việc làm cho hơn 1.400 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm

năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Hiện Masan đang áp dụng chương trình ESOP - trả lương bằng cổ phiếu cho các nhân sự chủ chốt trong Công ty với mục đích thu hút, tạo sự gắn bó lâu dài và động viên mọi người tăng hiệu quả làm việc nhằm tạo ra lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Masan thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh. Công ty đã ban hành chính sách thưởng bằng cổ phiếu cho các cá nhân xuất sắc, có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách đối với người lao động



Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Với CBCNV cấp quản lý và giám sát, Công ty còn mua thêm bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất một lần và tổ chức các chuyến du lịch nước ngoài dành cho nhân viên được bình chọn xuất sắc trong năm.

Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

Chính sách tạo nguồn nhân lực: Giúp Công ty luôn thu hút và giữ được các nhân sự.

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn

bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- **Đào tạo:** Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập, những nhân viên có thành tích học tập khá trở lên sẽ được khen thưởng.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nguồn số liệu được tính đến ngày 31/12/2014.

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

Hội đồng Quản trị

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Thành viên độc lập
Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	23.000	0,004%	
Hồ Hùng Anh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	-	-	
Seokhee Won	Ủy viên Hội đồng Quản trị	-	-	
Nguyễn Thiều Quang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	110.228	0,021%	✓
Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên Hội đồng Quản trị	210.472	0,040%	
Lu Ming	Ủy viên Hội đồng Quản trị	-	-	
Stephen W. Golsby	Ủy viên Hội đồng Quản trị	-	-	✓

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được bầu bởi cổ đông của Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 3 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Năm 2014, Hội đồng Quản trị có 7 thành viên.

Hội đồng Quản trị có thể họp thường kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp thường kỳ được tổ chức mỗi quý một lần.

Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 1 phiếu biểu quyết.

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;

- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các Công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các Công ty con.

Không có giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014.

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

Đánh giá về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành của Công ty có nhiệm vụ thực thi chiến lược của Công ty và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám Đốc là người đứng đầu Ban Điều hành của Công ty.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Ban Kiểm soát

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Quỳnh Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	-	-
Đỗ Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	-	-

Hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Ban Kiểm soát của Công ty có từ 3 đến 5 thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Năm 2014, Ban Kiểm soát có 3 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác.

Ban Kiểm soát giám sát và đảm bảo các hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban Kiểm soát tham gia vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT và cổ đông của Công ty.

Năm 2014, Ban Kiểm soát hoạt động không có thù lao.

Không có giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San và các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2014.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật; xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận; tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập; Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; Thẩm định các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã họp hai lần để thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Tổng số cổ phần tại ngày 31/12/2014: 531.326.322 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2014: 513.326.322 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 513.326.322 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0

Cổ đông trong nước

Cơ cấu cổ đông trong nước: 80,41%¹

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽¹⁾
Công ty TNHH MTV MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Đầu tư	402.185.257	78,35%

Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông nước ngoài: 19,59%⁽¹⁾

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽¹⁾
MC Holdings II (Cayman) Limited	POBox 309, Ugland House, Grand Cayman, K1-1104, Cayman Islands	Đầu tư	49.111.110	9,57%
KKR Ma San Aggregator L.P.	Maples Corporate Services Limited, P.O.Box 309, Ugland House, Grand Cayman, KY1-1104, Cayman Islands	Đầu tư	45.681.818	8,90%

1. Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2014.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Masan Consumer chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo và Masan Consumer không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Cholimex	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
CP	Cổ phần
ESOP	Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HORECA	Điểm bán hàng tại khách sạn, nhà hàng và căn tin
HR	Bộ phận nhân sự
IT	Công nghệ thông tin
Key account hay KA	Khách hàng lớn
KKR	KKR & Co. L.P., tên cũ là Kohlberg Kravis Roberts & Co.
M&A	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Marketing	Tiếp thị
Masan hay Công ty	Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San, bao gồm Công ty Hàng Tiêu dùng Ma San và các Công ty con
Masan Agri	Công ty Cổ phần Masan Agri
Masan Consumer hay MSC	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
MNC	Công ty đa quốc gia
MTV	Một thành viên
Proconco	Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco
R&D	Nghiên cứu và phát triển
Saigon Nutrifood hay SNF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn
Tập đoàn	Masan Consumer
TGD	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Tp.	Thành phố
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
USD	Đô la Mỹ
Vinacafe	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinacafé	Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinh Hảo	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hảo
VNĐ	Đồng Việt Nam

LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San

Tên tiếng Anh	MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	MSC hoặc MASAN CONSUMER CORP.
Trụ sở chính	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(+84-8) 62 555 660
Fax:	(+84-8) 38 109 463
Web:	www.masanconsumer.com
Mã số thuế	0302017440
Vốn điều lệ	5.313.263.220.000 VND (Năm ngàn ba trăm mười ba tỷ, hai trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon,
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (+84-8) 62 555 660 - **Fax:** (+84-8) 38 109 463

www.masanconsumer.com